



- Kính gửi:
- Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) (mã CK: HAG) giải trình biến động kết quả hoạt động kinh doanh và ý kiến nhấn mạnh của kiểm toán viên trên báo cáo tài chính (“BCTC”) hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán như sau:

I. Giải trình biến động kết quả kinh doanh trên báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán:

ĐVT: Ngân VND

Khoản mục	BCTC hợp nhất năm 2023 (Đã kiểm toán)	BCTC hợp nhất năm 2022 (Đã kiểm toán)	Biến động
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.781.685.785	1.124.674.840	657.010.945

Nguyên nhân chủ yếu là do trong năm 2023 lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh chuỗi và heo tăng so với năm 2022. Bên cạnh đó, việc Tập đoàn được miễn giảm lãi vay của Ngân Hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến lợi nhuận năm 2023 cao hơn năm 2022.

II. Giải trình ý kiến nhấn mạnh trong Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán:

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán, kiểm toán viên có nhấn mạnh đến khoản lỗ lũy kế của Tập đoàn là 1.669.170.708 ngàn VND, và tại ngày này, nợ ngắn hạn của Tập đoàn đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 941.878.694 ngàn VND. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán, Tập đoàn đã lập kế hoạch cho 12 tháng tiếp theo bao gồm dòng tiền dự kiến sẽ được tạo ra từ việc thanh lý một phần các khoản đầu tư tài chính, thu hồi nợ từ các đối tác, dòng tiền từ việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho các cổ đông, tiền đi vay các ngân hàng thương mại và dòng tiền tạo ra từ các dự án đang triển khai. Trong năm 2023, Tập đoàn đã tắt toán được một số khoản vay lâu năm, đồng thời được miễn giảm lãi phải trả với giá trị lớn. Hiện tại, Tập đoàn đang trong quá trình làm việc với các bên cho vay về việc điều chỉnh các điều khoản đã bị vi phạm của các hợp đồng vay và trái phiếu có liên quan, đàm phán tái cơ cấu một số khoản nợ quá hạn. Bên cạnh đó, hoạt động kinh doanh từ heo và chuỗi tiếp tục tạo ra nguồn tiền lớn trong năm 2023. Nguồn tiền từ việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ cũng giúp Tập đoàn giảm bớt áp lực tài chính khi được dùng để thanh toán một số khoản vay, trái phiếu; đồng thời bổ sung nguồn vốn lưu động để phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh.

Ngoài ra, vào ngày 4 tháng 3 năm 2024, Tập đoàn đã thực hiện ký kết Hợp đồng nhận tài trợ từ Ngân hàng Cổ phần Bưu điện Liên Việt với tổng hạn mức tài trợ là 5.000 tỷ VND, nhằm mục đích đầu tư cho mảng nông nghiệp xanh. Tiền giải ngân sẽ được sử dụng để đẩy mạnh đầu tư trồng mới, chăm sóc và phát triển 3 sản phẩm chủ lực của Tập đoàn gồm: chuỗi, sầu riêng và chăn nuôi heo.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Trụ sở Chính: 15 Trường Chinh, Phường Phú Đồng, Tp.Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Tel: (+84) 0269 2225 888 Fax: (+84) 0269 2222 335 Email: info@hagl.com.vn



Chính vì những lý do nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn tin tưởng rằng Tập đoàn có thể hoàn trả các khoản nợ đến hạn và tiếp tục hoạt động trong các kỳ kế toán tiếp theo.

Trên đây là giải trình của Công ty về Báo cáo tài chính hợp nhất 2023 đã được kiểm toán.

Trân trọng kính chào.

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG ANH GIA LAI
TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN XUÂN THẮNG



Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT-KH&ĐT

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 80

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5900377720, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 6 năm 2006, và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008 với mã giao dịch "HAG".

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có bảy (7) công ty con trực tiếp, tám (8) công ty con gián tiếp, một (1) công ty liên kết và bốn (4) chi nhánh.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") là quản lý các khoản đầu tư; kinh doanh vật tư và máy móc thiết bị ngành trồng trọt và chăn nuôi; dịch vụ nông nghiệp; cơ khí; kinh doanh khách sạn; trồng và kinh doanh trái cây và các loại cây trồng khác; chăn nuôi và kinh doanh heo, bò; sản xuất và mua bán cây giống; và các hoạt động về thể thao và giải trí.

Công ty có trụ sở chính tọa lạc tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty cũng có các chi nhánh hạch toán phụ thuộc tọa lạc tại Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT") trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch	
Ông Võ Trường Sơn	Thành viên	
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên	
Ông Nguyễn Chí Thắng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2023
Ông Trần Văn Dai	Thành viên độc lập	
Bà Võ Thị Huyền Lan	Thành viên độc lập	miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2023

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban Kiểm soát ("BKS") trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Bà Đỗ Trần Thùy Trang	Trưởng Ban
Ông Lê Hồng Phong	Thành viên
Ông Phạm Ngọc Châu	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 7 tháng 2 năm 2024
Ông Võ Trường Sơn	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 7 tháng 2 năm 2024
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên

Chức vụ

Ông Nguyễn Xuân Thắng
Ông Võ Trường Sơn

Người đại diện pháp luật
Người đại diện pháp luật

từ ngày 15 tháng 2 năm 2024
đến ngày 14 tháng 2 năm 2024

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Nguyễn Xuân Thắng
Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2024

Số tham chiếu: 60752790/66926721-YE-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") và các công ty con ("Tập đoàn"), được lập vào ngày 26 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 6 đến trang 80 bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ các chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.6 của báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập Đoàn có khoản lỗ lũy kế là 1.669.170.708 ngàn VND, và tại ngày này, nợ ngắn hạn của Tập đoàn đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 941.878.694 ngàn VND. Các điều kiện này cùng với những vấn đề khác được nêu trong Thuyết minh số 2.6 cho thấy có sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Vũ Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 1588-2023-004-1



Thái Trọng Cang
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 4139-2022-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
ngày 31 tháng 12 năm 2023

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		8.768.525.586	8.038.560.913
110	I. Tiền	5	41.812.548	72.372.525
111	1. Tiền		41.812.548	72.372.525
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		7.780.210.370	6.765.361.545
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	1.492.430.980	906.404.137
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	1.795.878.037	766.151.359
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	2.248.319.624	4.017.224.678
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	2.283.803.636	1.155.995.000
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6, 7, 8, 9	(40.221.907)	(80.413.629)
140	III. Hàng tồn kho	10	928.718.695	1.148.037.609
141	1. Hàng tồn kho		931.060.270	1.150.379.184
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.341.575)	(2.341.575)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		17.783.973	52.789.234
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	17	4.379.912	17.274.977
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	20	10.268.943	32.372.352
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	20	3.135.118	3.141.905
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		12.134.729.704	11.759.826.640
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		495.190.422	2.430.132.241
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	8	274.178.939	1.745.420.930
216	2. Phải thu dài hạn khác	9	221.011.483	702.237.574
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	8	-	(17.526.263)
220	II. Tài sản cố định		5.997.879.680	3.821.150.484
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	5.743.738.807	3.559.467.131
222	Nguyên giá		7.140.901.704	4.624.944.890
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.397.162.897)	(1.065.477.759)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	254.140.873	261.683.353
228	Nguyên giá		288.535.319	291.426.419
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(34.394.446)	(29.743.066)
230	III. Bất động sản đầu tư	13	36.187.721	59.975.442
231	1. Nguyên giá		47.003.809	74.075.831
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(10.816.088)	(14.100.389)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		4.824.942.853	4.620.301.248
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	4.824.942.853	4.620.301.248
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	16	492.019.500	441.689.596
252	1. Đầu tư vào các công ty liên kết		-	-
253	2. Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		1.049.961.081	1.049.961.081
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(557.941.581)	(608.271.485)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		288.509.528	386.577.629
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	17	288.509.528	370.108.968
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	32.2	-	16.468.661
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		20.903.255.290	19.798.387.553

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2023

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		14.225.785.185	14.603.644.212
310	I. Nợ ngắn hạn		9.710.404.280	9.218.063.487
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	18	1.123.332.723	535.119.892
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	19	329.422.144	629.603.992
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	52.221.065	8.789.821
314	4. Phải trả người lao động		95.022.833	80.012.780
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	3.382.113.745	3.857.898.088
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	22	199.619.170	106.050.215
320	7. Vay ngắn hạn	23	4.528.569.090	4.000.485.189
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		103.510	103.510
330	II. Nợ dài hạn		4.515.380.905	5.385.580.725
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	21	331.211.708	490.236.779
337	2. Phải trả dài hạn khác	22	381.772.904	308.838.184
338	3. Vay dài hạn	23	3.340.420.808	4.165.134.234
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	32.2	456.610.651	416.006.694
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn		5.364.834	5.364.834
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		6.677.470.105	5.194.743.341
410	I. Vốn chủ sở hữu		6.677.470.105	5.194.743.341
411	1. Vốn cổ phần	24.1	9.274.679.470	9.274.679.470
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		9.274.679.470	9.274.679.470
415	2. Cổ phiếu quỹ	24.1	(686.640)	(686.640)
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	24.1	(1.525.752.918)	(1.221.066.442)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển	24.1	279.895.303	282.410.699
421	5. Lỗ lũy kế	24.1	(1.669.170.708)	(3.341.007.157)
421a	- Lỗ lũy kế đến cuối năm trước		(3.333.141.661)	(4.469.752.553)
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		1.663.970.953	1.128.745.396
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	25	318.505.598	200.413.411
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		20.903.255.290	19.798.387.553

Phạm Thị Thu Hà
Người lập

Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng

Nguyễn Xuân Thắng
Tổng Giám đốc



Ngày 26 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Ngân VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.1	6.492.569.736	5.197.982.826
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	27.1	(50.172.537)	(87.200.939)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.1	6.442.397.199	5.110.781.887
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	28	(5.148.941.719)	(3.937.380.869)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.293.455.480	1.173.401.018
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27.2	602.752.483	486.143.713
22	7. Chi phí tài chính	29	215.432.853	(1.649.147.246)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		270.599.417	(793.176.972)
24	8. Phần lỗ trong công ty liên kết	4.6	(11.069.302)	-
25	9. Chi phí bán hàng	30	(255.058.076)	(251.938.809)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	(155.100.623)	1.349.894.514
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.690.412.815	1.108.353.190
31	12. Thu nhập khác	31	281.127.775	35.975.907
32	13. Chi phí khác	31	(178.663.887)	(116.111.269)
40	14. Lợi nhuận (lỗ) khác	31	102.463.888	(80.135.362)
50	15. Lợi nhuận kế toán trước thuế		1.792.876.703	1.028.217.828
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	32.1	(30.945.417)	(3.649.540)
52	17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	32.2	19.754.499	100.106.552
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		1.781.685.785	1.124.674.840
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		1.663.970.953	1.128.745.396
62	20. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế của cổ đông không kiểm soát		117.714.832	(4.070.556)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	26	1.794	1.217
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND)	26	1.794	1.217

Phạm Thị Thu Hà
Người lập

Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng

Nguyễn Xuân Thắng
Tổng Giám đốc



Ngày 26 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Ngàn VND


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		1.792.876.703	1.028.217.828
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	11, 12, 13	579.014.760	337.569.217
03	Hoàn nhập dự phòng		(117.903.371)	(908.288.047)
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		73.118.511	222.844.063
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(713.557.518)	(438.812.767)
06	Chi phí lãi vay	29	(270.599.417)	793.176.972
08	Lợi nhuận của hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1.342.949.668	1.034.707.266
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(50.492.765)	22.964.621
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		424.194.523	(595.021.928)
11	Giảm các khoản phải trả		(1.299.962.404)	(251.359.212)
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		124.742.131	(107.385.162)
14	Tiền lãi vay đã trả		(436.458.129)	(63.237.554)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	32.1	(2.323.226)	(3.332.591)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.536.000)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		101.113.798	37.335.440
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác		(614.181.316)	(544.321.349)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác		204.906.906	17.965.272
23	Tiền chi cho các đơn vị khác vay		(125.380.935)	(2.165.452.268)
24	Tiền thu hồi cho vay		609.108.000	2.330.063.239
25	Tiền chi để đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác trừ đi tiền thu về		(34.223.686)	(232.446.836)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.557.440	791.244.823
27	Tiền thu lãi cho vay, tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		7.027.004	53.169.424
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		49.813.413	250.222.305

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Nhận góp vốn từ cổ đông không kiểm soát		-	22.594.000
33	Tiền thu từ đi vay	23	5.416.358.111	1.802.441.405
34	Tiền trả nợ gốc vay	23	(5.597.845.299)	(2.118.518.662)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(181.487.188)	(293.483.257)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(30.559.977)	(5.925.512)
60	Tiền đầu năm		72.372.525	78.298.037
70	Tiền cuối năm	5	41.812.548	72.372.525


Phạm Thị Thu Hà
Người lập


Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Thắng
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5900377720, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 6 năm 2006, và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008 với mã giao dịch "HAG".

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có bảy (7) công ty con trực tiếp, tám (8) công ty con gián tiếp và một (1) công ty liên kết với chi tiết như sau:

Tên công ty con	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Lĩnh vực nông nghiệp				
(1) Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	98,78	98,78
(2) Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Champasak, Lào	Đang hoạt động	100,00	98,78
(3) Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay ("Khăn Xay")	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	100,00	98,78
(4) Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai ("Chăn nuôi Gia Lai")	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	88,03	88,03
(5) Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Mang Yang	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	51,00	44,90
(6) Công ty Cổ Phần Gia súc Lơ Pang	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	100,00	99,92
(7) Công ty Cổ phần Lê Me	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	100,00	98,78
(8) Công ty TNHH Sản xuất Bột mì	Stung Treng, Campuchia	Đang hoạt động	100,00	98,78
(9) Công ty TNHH Nông nghiệp Công Nghệ cao Bolaven	Champasak, Lào	Đang hoạt động	100,00	98,78
(10) Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Hoàn Thịnh Attapeu	Attapeu, Lào	Trước hoạt động (i)	100,00	97,79
(11) Công ty Cổ phần Chế biến thức ăn gia súc Trà Bá	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	100,00	97,79
(12) Công ty Cổ phần Trồng Trọt Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Trước hoạt động (i)	100,00	98,53
(13) Công ty Cổ phần Nông nghiệp Kon Thụp	Gia Lai, Việt Nam	Trước hoạt động (i)	88,03	88,03

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có bảy (7) công ty con trực tiếp, tám (8) công ty con gián tiếp và một (1) công ty liên kết với chi tiết như sau: (tiếp theo)

Tên công ty con	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Lĩnh vực xây dựng, kinh doanh và dịch vụ				
(14) Công ty Cổ phần Thể thao LPbank Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	100,00	98,49
(15) Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Viêng Chăn, Lào	Trước hoạt động (i)	100,00	100,00
Công ty liên kết				
(1) Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	25,00	25,00

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có bốn (4) chi nhánh với chi tiết như sau:

Tên chi nhánh	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Các chi nhánh hạch toán phụ thuộc				
Dịch vụ hàng hóa - xây dựng				
(1) Chi nhánh Nguyên vật liệu - Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-	-
(2) Chi nhánh Cơ khí - Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-	-
(3) Chi nhánh Chế biến Hoa quả - Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-	-
Quản lý bất động sản và khách sạn				
(4) Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-	-

(i) Tình trạng trước hoạt động là tình trạng công ty con đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản, vẫn chưa bắt đầu hoạt động kinh doanh chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") là quản lý các khoản đầu tư; kinh doanh vật tư và máy móc thiết bị ngành trồng trọt và chăn nuôi; dịch vụ nông nghiệp; cơ khí; kinh doanh khách sạn; trồng và kinh doanh trái cây và các loại cây trồng khác; chăn nuôi và kinh doanh heo, bò; sản xuất và mua bán cây giống; và các hoạt động về thể thao và giải trí.

Công ty có trụ sở chính tọa lạc tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty cũng có các chi nhánh hạch toán phụ thuộc tọa lạc tại Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Số lượng nhân viên ký kết hợp đồng lao động dài hạn của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 1.748 (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 2.333).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn là VND. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán năm và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con. Trong trường hợp Tập đoàn không còn nắm quyền kiểm soát các công ty con thì báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc giai đoạn báo cáo mà trong giai đoạn đó Tập đoàn vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu các công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lỗ lũy kế.

2.6 Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Tập đoàn sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Tập đoàn trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn có khoản lỗ lũy kế là 1.669.170.708 ngàn VND, và tại ngày này, nợ ngắn hạn của Tập đoàn đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 941.878.694 ngàn VND. Ngoài ra, tại ngày này, Tập đoàn cũng đang vi phạm một số cam kết đối với hợp đồng trái phiếu và đang chưa thanh toán các khoản nợ gốc và lãi của các khoản vay và trái phiếu đến hạn thanh toán như được trình bày tại Thuyết minh số 23. Những điều kiện này cho thấy có sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn đã lập kế hoạch cho 12 tháng tiếp theo bao gồm dòng tiền dự kiến sẽ được tạo ra từ việc thanh lý một phần các khoản đầu tư tài chính, thanh lý tài sản, thu hồi các khoản cho vay từ các đối tác, dòng tiền từ việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho các cổ đông, tiền đi vay các ngân hàng thương mại và dòng tiền tạo ra từ các dự án đang triển khai. Tập đoàn cũng đang trong quá trình làm việc với các bên cho vay về việc điều chỉnh các điều khoản đã bị vi phạm của các hợp đồng vay liên quan. Theo đó, Tập đoàn kỳ vọng có thể hoàn trả các khoản nợ đến hạn và tiếp tục hoạt động trong kỳ kế toán tiếp theo. Dựa trên các cơ sở này, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện nếu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được lập trên cơ sở hoạt động không liên tục.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường dựa trên giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu xây dựng, công cụ dụng cụ và hàng hóa	- Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- Giá gốc thành phẩm áp dụng phương pháp bình quân gia quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 *Hàng tồn kho* (tiếp theo)

Chi phí công trình dở dang - Hợp đồng xây dựng

Chi phí công trình dở dang xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Tập đoàn, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là chi phí công trình dở dang - Hợp đồng xây dựng theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của chi phí công trình dở dang bao gồm:

- ▶ Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- ▶ Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuê chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của chi phí công trình dở dang trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của chi phí công trình dở dang đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành công trình dở dang đó và chi phí chung được phân bổ trên hạng mục hoàn tất tương ứng của công trình dở dang đó.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	4 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	2 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Cây trồng lâu năm	10 - 20 năm
Quyền sử dụng đất	20 năm
Chương trình phần mềm	5 - 8 năm
Tài sản khác	8 - 15 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích hao mòn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Khấu hao và hao mòn (tiếp theo)

Khấu hao các vườn cây

Chi tiết như sau:

Năm khai thác	Tỷ lệ khấu hao (%)	
	Vườn cây chuối (i)	Vườn sầu riêng (ii)
Năm thứ 1	10,00	5,00
Năm thứ 2	10,00	5,00
Năm thứ 3	10,00	5,00
Năm thứ 4	10,00	5,00
Năm thứ 5	10,00	5,00
Năm thứ 6	10,00	5,00
Năm thứ 7	10,00	5,00
Năm thứ 8	10,00	5,00
Năm thứ 9	10,00	5,00
Năm thứ 10	Giá trị còn lại	5,00
Năm thứ 11		5,00
Năm thứ 12		5,00
Năm thứ 13		5,00
Năm thứ 14		5,00
Năm thứ 15		5,00
Năm thứ 16		5,00
Năm thứ 17		5,00
Năm thứ 18		5,00
Năm thứ 19		5,00
Năm thứ 20		Giá trị còn lại

Vườn cây ăn quả

Ban Tổng Giám đốc ước tính tiêu chuẩn xác định vườn cây đủ điều kiện khai thác để hạch toán tài sản và trích khấu hao khi tỷ lệ đậu trái đạt trên 50% số cây trồng trong lô kể từ thời gian xử lý ra trái.

- (i) Khấu hao đối với vườn cây chuối được thực hiện dựa trên Quyết định số 0106/QĐ-HAGL Agrico ngày 1 tháng 6 năm 2020 hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây chuối theo chu kỳ khai thác.
- (ii) Khấu hao đối với vườn cây sầu riêng được thực hiện dựa trên Quyết định số 109/QĐ-HAGL ngày 1 tháng 10 năm 2023 hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây sầu riêng theo chu kỳ khai thác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao và/hoặc giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	30 năm
Quyền sử dụng đất	36 – 43 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến việc xây dựng và phát triển các tòa nhà, vườn cây của Tập đoàn mà các dự án này chưa được hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Nhà xưởng, văn phòng và vật kiến trúc

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các nhà xưởng, văn phòng và vật kiến trúc của Tập đoàn như chi phí xây dựng, chi phí khảo sát, thiết kế và các chi phí có liên quan khác.

Vườn cây

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển vườn cây ăn quả và các vườn cây khác như chi phí khảo sát, đền bù đất, khai hoang, vườn ươm, phân bón, vận chuyển cây giống, nguyên vật liệu khác, chi phí nhân công, đường đi và hàng rào, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ, thuốc diệt cỏ và các chi phí liên quan khác.

Dự án chăn nuôi

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển dự án chăn nuôi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh. Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

Trường hợp tài sản cho thuê dài hạn thỏa các điều kiện sẽ được ghi nhận doanh thu một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước theo quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm, trừ khi các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các kỳ mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

3.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là công cụ, dụng cụ, tiền thuê đất và thuê văn phòng trả trước, chi phí phát triển vườn cây ăn quả, chi phí khai hoang, chi phí phát triển cầu thủ và các chi phí khác. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

- ▶ Tiền thuê đất và thuê văn phòng trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn, được phân bổ dần không quá ba (3) năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất;
- ▶ Chi phí phát triển cây ăn quả, vườn cây khác, chi phí khai hoang bao gồm: chi phí giống, chi phí chuẩn bị đất, trồng và chăm sóc vườn. Các chi phí này được phân bổ theo thời gian gắn liền với đặc tính sinh trưởng của từng loại cây. Chi phí chuẩn bị đất, trồng và chăm sóc vườn cây được phân bổ theo thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này; và
- ▶ Chi phí dự án chăn nuôi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý vào ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý vào ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí từ việc hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được mua, khoản chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính tối đa là mười (10) năm. Định kỳ Tập đoàn đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn so với số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

Trong trường hợp Công ty mua lợi ích của cổ đông không kiểm soát của công ty con, chênh lệch giữa giá mua và giá trị ghi sổ tương ứng với lợi ích của cổ đông không kiểm soát được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Trường hợp trước đây công ty mẹ đã thoái một phần vốn tại công ty con và đã ghi nhận kết quả từ việc thoái phần vốn đó trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(lỗ lũy kế) của bảng cân đối kế toán hợp nhất, nay thoái thêm một phần vốn đầu tư tại công ty con dẫn đến mất quyền kiểm soát thì công ty mẹ phải kết chuyển phần lãi, lỗ đã ghi nhận trước đây trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(lỗ lũy kế) sang báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.13 *Mua tài sản và hợp nhất kinh doanh*

Tập đoàn mua các công ty con sở hữu tài sản và có các hoạt động sản xuất kinh doanh. Tại thời điểm mua, Tập đoàn sẽ xác định việc mua công ty con có phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh hay không. Giao dịch này được coi là hoạt động hợp nhất kinh doanh nếu công ty con có các hoạt động sản xuất kinh doanh gắn liền với tài sản được mua.

Nếu việc mua lại công ty con không phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh, giao dịch đó được hạch toán như là một giao dịch mua một nhóm các tài sản và nợ phải trả. Giá phí mua được phân bổ vào các tài sản và nợ phải trả dựa trên giá trị hợp lý tương ứng của các tài sản và nợ phải trả, và không có lợi thế thương mại hay thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận.

3.14 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của các công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào các công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào các công ty liên kết (tiếp theo)

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của các công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của các công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào các công ty liên kết. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư vào các công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của các công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư vào đơn vị khác

Đầu tư vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.15 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.16 Dự phòng

Tập đoàn ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Tập đoàn có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

3.17 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi (nếu có) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi (nếu có) và đã điều chỉnh cho lãi ghi nhận trong năm của trái phiếu chuyển đổi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo các nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động ở nước ngoài

Việc chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con mà việc ghi chép sổ sách được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là VND được thực hiện như sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi tương ứng theo tỷ giá mua và bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm;
- Doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí được quy đổi theo tỷ giá bình quân trong năm; và
- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con cho mục đích hợp nhất được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi khoản đầu tư được thanh lý.

3.19 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tập đoàn mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo giá gốc và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị đề nghị và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

▶ *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

▶ *Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập nhằm đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.21 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận khi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.22 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) vào thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) vào thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.22 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.23 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

3.24 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu được xác định dựa trên việc bán các sản phẩm (nông nghiệp, thương mại và dịch vụ). Ban Tổng Giám đốc xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn dựa theo địa điểm của tài sản.

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

4.1 Mua Công ty TNHH Nông nghiệp Công Nghệ cao Bolaven ("Bolaven")

Vào ngày 1 tháng 4 năm 2023, Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng, một công ty con trong Tập đoàn, đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng toàn bộ vốn chủ sở hữu trong Công ty TNHH Nông nghiệp Công Nghệ cao Bolaven ("Bolaven") từ các cổ đông hiện hữu, và đồng thời thực hiện việc chuyển đổi các khoản phải thu từ Bolaven thành khoản đầu tư với tổng giá trị là 173.858.904 ngàn VND. Theo đó, Bolaven đã trở thành công ty con của Tập đoàn kể từ ngày này. Tại ngày mua, Bolaven sở hữu diện tích đất canh tác nông nghiệp tại Tỉnh Champasak, Lào là 466,74 ha.

Bolaven là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Lào theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 16-00010765, do Sở Công thương và Thương mại Champasak cấp ngày 17 tháng 1 năm 2020. Hoạt động kinh doanh chính của Bolaven trong năm là trồng cây ăn trái.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM (tiếp theo)

4.1 Mua Công ty TNHH Nông nghiệp Công Nghệ cao Bolaven (“Bolaven”) (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của Bolaven vào ngày hợp nhất kinh doanh được trình bày như sau:

	<i>Ngàn VND</i> <i>Giá trị hợp lý được</i> <i>xác định tại ngày mua</i>
Tài sản	
Tiền	174.466
Hàng tồn kho	35.274
Các khoản phải thu ngắn hạn	2.854.396
Tài sản cố định hữu hình	31.065.286
Xây dựng cơ bản dở dang	368.337.009
Tài sản dài hạn khác	54.526.527
	456.992.958
Nợ phải trả	
Các khoản phải trả ngắn và dài hạn	7.345.428
	7.345.428
Giá trị tài sản thuần theo giá trị hợp lý	449.647.530
<i>Trong đó:</i>	
<i>Phần tài sản thuần đã mua</i>	440.654.579
<i>Phần tài sản thuần thuộc các cổ đông không kiểm soát</i>	8.992.951
Lãi từ giao dịch mua giá rẻ	(275.788.626)
<i>Trong đó:</i>	
<i>Lãi từ giao dịch mua giá rẻ của Tập đoàn (Thuyết minh số 31)</i>	(270.272.853)
<i>Lãi từ giao dịch mua giá rẻ của các cổ đông không kiểm soát</i>	(5.515.773)
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh	(173.858.904)
<i>Trong đó:</i>	
<i>Giá phí của Tập đoàn</i>	(170.381.726)
<i>Giá phí của các cổ đông không kiểm soát</i>	(3.477.178)

Vào ngày 8 tháng 3 năm 2023, việc đánh giá lại giá trị tài sản thuần của Bolaven đã được hoàn thành bởi Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn và đơn vị tư vấn độc lập. Theo đó, giá trị hợp lý tại ngày mua của tổng tài sản thuần của Bolaven là 449.647.530 ngàn VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM (tiếp theo)

4.2 *Mua Công ty Cổ phần Lê Me (“Lê Me”)*

Vào ngày 20 tháng 6 năm 2023, Tập đoàn đã hoàn tất việc chuyển đổi các khoản phải thu từ Lê Me thành khoản đầu tư, và đồng thời nhận chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần sở hữu bởi các cổ đông còn lại trong Lê Me, nhằm nắm giữ 393.232.600 cổ phần, tương đương với 100% tỷ lệ sở hữu trong công ty này, với tổng giá phí hợp nhất kinh doanh là 3.932.326.000 ngàn VND. Theo đó, Lê Me đã trở thành công ty con trong Tập đoàn kể từ ngày này. Ngoài ra, Tập đoàn cũng đồng thời nắm quyền kiểm soát các công ty con do Lê Me sở hữu tại ngày mua, bao gồm Công ty TNHH Sản xuất Bột mì, Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Hoàn Thịnh Attapeu, Công ty Cổ phần Chế biến thức ăn gia súc Trà Bá và Công ty Cổ phần Trồng Trọt Gia Lai.

Tại ngày mua, Lê Me và các công ty con đang sở hữu diện tích đất canh tác nông nghiệp tại Tỉnh Stung Treng, Campuchia là 2.931 ha và tại Tỉnh Attapeu, Lào là 218 ha. Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và đánh giá rằng việc mua cổ phần của Lê Me là mua tài sản, không phải là hợp nhất kinh doanh, cụ thể là phần diện tích đất cho mục đích phát triển các cây trồng nông nghiệp và xây dựng hệ thống chuồng trại chăn nuôi sau này.

Lê Me là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5901099071, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp lần đầu vào ngày 7 tháng 8 năm 2018. Hoạt động kinh doanh chính của Lê Me trong năm là trồng trọt và chăn nuôi.

4.3 *Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai (“Hưng Thắng Lợi”)*

Vào ngày 29 tháng 9 năm 2023, Công ty đã hoàn tất việc chuyển đổi các khoản phải thu từ Hưng Thắng Lợi, một công ty con hiện hữu trong Tập đoàn, thành khoản đầu tư với giá trị là 500.000.000 ngàn VND. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong Hưng Thắng Lợi tăng từ 98,00% lên 98,78% tại ngày này.

Chênh lệch giữa giá phí đầu tư và giá trị ghi sổ tương ứng với phần sở hữu giá trị tài sản thuần của Tập đoàn trong Hưng Thắng Lợi vào ngày giao dịch là 734.969 ngàn VND được ghi nhận giảm lỗ lũy kế trên bảng cân đối kế toán hợp nhất (*Thuyết minh số 24*).

4.4 *Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong Công ty Cổ phần Thể thao LPBank Hoàng Anh Gia Lai (“Thể thao HAGL”)*

Vào ngày 27 tháng 10 năm 2023, Công ty Cổ phần Bệnh viện Đại học Y dược – Hoàng Anh Gia Lai, một công ty con trong Tập đoàn, đã hoàn tất việc chuyển nhượng 172.500 cổ phần, tương đương với 1,5% tỷ lệ sở hữu trong Thể thao HAGL cho một nhà đầu tư khác, với tổng giá trị chuyển nhượng là 17.250 ngàn VND. Ngoài ra, như được trình bày tại *Thuyết minh số 4.3*, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong Thể thao HAGL cũng tăng tương ứng thêm 0,02% do Hưng Thắng Lợi có sở hữu cổ phần trong Thể thao HAGL. Theo đó, sau các giao dịch trên, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong Thể thao HAGL giảm từ 99,97% còn 98,49%.

Chênh lệch giữa giá phí đầu tư và giá trị ghi sổ tương ứng với phần sở hữu giá trị tài sản thuần của Tập đoàn trong Thể thao HAGL vào ngày giao dịch là 6.030.558 ngàn VND được ghi nhận giảm lỗ lũy kế trên bảng cân đối kế toán hợp nhất (*Thuyết minh số 24*).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM (tiếp theo)

4.5 Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong Công ty Cổ Phần Gia súc Lơ Pang (“Lơ Pang”)

Vào ngày 30 tháng 10 năm 2023, Công ty đã hoàn tất việc chuyển đổi các khoản phải thu từ Lơ Pang, một công ty con hiện hữu trong Tập đoàn, thành khoản đầu tư với giá trị là 600.000.000 ngàn VND. Ngoài ra, như được trình bày tại *Thuyết minh số 4.3*, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong Lơ Pang cũng tăng tương ứng do Hưng Thắng Lợi có sở hữu cổ phần trong Lơ Pang. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong Lơ Pang tăng từ 99,75% lên 99,92% tại ngày này.

Chênh lệch giữa giá phí đầu tư và giá trị ghi sổ tương ứng với phần sở hữu giá trị tài sản thuần của Tập đoàn trong Lơ Pang vào ngày giao dịch là 390.409 ngàn VND được ghi nhận giảm lỗ lũy kế trên bảng cân đối kế toán hợp nhất (*Thuyết minh số 24*).

4.6 Thanh lý toàn bộ quyền sở hữu trong Công ty Cổ phần BAPI Hoàng Anh Gia Lai (“BAPI”)

Theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông số 1301/NQ-BAPI.23 ngày 13 tháng 1 năm 2023, các cổ đông của Công ty Cổ phần BAPI Hoàng Anh Gia Lai (“BAPI”) đã phê duyệt việc phát hành riêng lẻ thêm 5.000.000 cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu và các nhà đầu tư chiến lược mới nhằm mục đích tăng vốn cổ phần để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong BAPI giảm từ 55% xuống 44,50%, và BAPI trở thành công ty liên kết của Công ty kể từ ngày này. Vào ngày 29 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn đã hoàn tất việc thanh lý toàn bộ 44,50% cổ phần sở hữu trong BAPI cho một bên thứ ba, với tổng giá trị chuyển nhượng là 27.500.000 ngàn VND và ghi nhận khoản lãi từ việc thanh lý là 10.356.001 ngàn VND vào khoản mục doanh thu tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (*Thuyết minh số 27.2*). Việc chuyển nhượng này đã được thông qua theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 28/23/NQHĐQT-HAGL ngày 29 tháng 12 năm 2023.

Từ ngày 13 tháng 1 năm 2023 đến ngày 29 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn ghi nhận khoản lỗ trong công ty BAPI (giai đoạn là công ty liên kết của Tập đoàn) với giá trị là 11.069.302 ngàn VND vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.7 Thanh lý toàn bộ quyền sở hữu trong Công ty Cổ phần Bệnh viện Đại học Y dược – Hoàng Anh Gia Lai

Vào ngày 27 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn đã hoàn tất việc thanh lý toàn bộ 100% cổ phần sở hữu trong Công ty Cổ phần Bệnh viện Đại học Y dược – Hoàng Anh Gia Lai cho một bên thứ ba, với tổng giá trị chuyển nhượng là 370.000.000 ngàn VND, và ghi nhận khoản lãi từ việc thanh lý là 241.885.850 ngàn VND vào khoản mục doanh thu tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (*Thuyết minh số 27.2*). Tập đoàn cũng ghi giảm quỹ đầu tư phát triển và lỗ lũy kế tương ứng với giá trị tài sản thuần của Công ty Cổ phần Bệnh viện Đại học Y dược – Hoàng Anh Gia Lai tại ngày thanh lý với giá trị lần lượt là 2.515.396 ngàn VND và 2.245.560 ngàn VND (*Thuyết minh số 24*).

Việc chuyển nhượng này đã được thông qua theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 27/23/NQHĐQT-HAGL ngày 27 tháng 12 năm 2023.

4.8 Tách công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai

Vào ngày 25 tháng 12 năm 2023, Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai, một công ty con trong Tập đoàn, đã hoàn tất việc chia tách công ty theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông số 04/NQ-ĐHCĐ.23 ngày 25 tháng 12 năm 2023 của công ty này, để tách thành Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai và một công ty mới là Công ty Cổ phần Nông nghiệp Kon Thụp. Việc chia tách này được thực hiện dựa theo hướng dẫn tại Điều 199, Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn nắm giữ 88,03% tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết trong các công ty này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. TIỀN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	3.439.224	7.219.381
Tiền gửi ngân hàng	38.373.324	65.153.144
TỔNG CỘNG	41.812.548	72.372.525

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.096.061.202	796.201.993
Phải thu về thanh lý khoản đầu tư	369.805.976	92.434.018
<i>Trong đó:</i>		
- Nguyễn Thị Thu Thảo (*)	350.000.000	-
- Công ty TNHH Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	-	92.434.018
- Các khoản phải thu khác	19.805.976	-
Phải thu khác	26.563.802	17.768.126
TỔNG CỘNG	1.492.430.980	906.404.137
Dự phòng phải thu ngắn hạn khách hàng khó đòi	(7.323.416)	(13.368.976)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.485.107.564	893.035.161
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu các bên thứ ba	868.644.336	425.419.706
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh ("TM") số 33)	623.786.644	480.984.431

(*) Vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn đã nhận thanh toán toàn bộ công nợ phải thu từ Nguyễn Thị Thu Thảo với giá trị là 350.000.000 ngàn VND.

Chi tiết tình hình tăng/(giảm) dự phòng phải thu ngắn hạn khách hàng khó đòi như sau:

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	13.368.976	66.752.042
Cộng: Mua công ty con trong năm	8.485.771	-
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	1.375.717	1.898.642
Trừ: Thanh lý công ty con trong năm	(5.571.647)	-
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(10.335.401)	(55.281.708)
Số cuối năm	7.323.416	13.368.976

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Ngàn VND Số đầu năm</i>
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	1.794.650.982	746.030.453
<i>Trong đó:</i>		
- Công ty Cổ phần Chế biến Thức ăn Gia súc Đông Gia Lai	1.097.734.678	482.478.677
- Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	674.941.133	130.642.069
- Các nhà cung cấp khác	21.975.171	132.909.707
Trả trước cho nhà thầu xây dựng và mua máy móc thiết bị	1.227.055	20.120.906
TỔNG CỘNG	1.795.878.037	766.151.359
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi	(404.852)	(9.923.885)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.795.473.185	756.227.474
<i>Trong đó:</i>		
<i>Trả trước các bên liên quan (TM số 33)</i>	1.777.920.352	620.489.246
<i>Trả trước các bên thứ ba</i>	17.957.685	145.662.113

Chi tiết tình hình tăng/(giảm) dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi như sau:

	<i>Năm nay</i>	<i>Ngàn VND Năm trước</i>
Số đầu năm	9.923.885	9.804.538
<i>Cộng:</i> Dự phòng trích lập trong năm	120.555	284.297
<i>Trừ:</i> Hoàn nhập dự phòng trong năm	(9.639.588)	(164.950)
Số cuối năm	404.852	9.923.885

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Cho vay ngắn hạn bên liên quan (TM số 33) (i)	2.090.208.799	3.865.049.522
Cho vay ngắn hạn các bên khác (ii)	158.110.825	152.175.156
	<u>2.248.319.624</u>	<u>4.017.224.678</u>
Dài hạn		
Cho vay dài hạn bên liên quan (TM số 33) (i)	274.178.939	1.716.613.450
Cho vay dài hạn các bên khác (ii)	-	28.807.480
	<u>274.178.939</u>	<u>1.745.420.930</u>
TỔNG CỘNG	2.522.498.563	5.762.645.608
Dự phòng phải thu về cho vay khó đòi	(18.363.688)	(26.017.448)
GIÁ TRỊ THUẦN	2.504.134.875	5.736.628.160

Chi tiết tình hình tăng/(giảm) dự phòng phải thu về cho vay khó đòi như sau:

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	26.017.448	1.392.199.669
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	527.922	18.131.990
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(8.181.682)	(1.384.314.211)
Số cuối năm	<u>18.363.688</u>	<u>26.017.448</u>
Trong đó:		
Ngắn hạn	18.363.688	8.491.185
Dài hạn	-	17.526.263

(i) Đây là các khoản cho vay tín chấp cho các bên liên quan, có thời hạn hoàn trả từ cuối năm 2024 đến năm 2025 và hưởng lãi suất 9,30%/năm – 10,40%/năm.

(ii) Đây là khoản cho vay tín chấp các bên khác với thời hạn hoàn trả từ cuối năm 2024 đến năm 2027 và hưởng lãi suất 9,30%/năm – 10,40%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. PHẢI THU KHÁC

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Đặt cọc Hợp tác Kinh doanh ("HTKD") (*)	1.520.000.000	-
Trong đó:		
- Công ty TNHH Nông nghiệp Thành Trung	820.000.000	-
- Công ty TNHH Nông nghiệp Phú Quý Gia Lai	700.000.000	-
Phải thu từ Hợp đồng HTKD với Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên (**)	350.000.000	-
Cho các công ty mượn	225.003.508	731.485.958
Phải thu lãi cho vay	164.436.911	398.751.950
Tạm ứng cho nhân viên	17.128.474	20.981.914
Phải thu ngắn hạn khác	7.234.743	4.775.178
	<u>2.283.803.636</u>	<u>1.155.995.000</u>
Dài hạn		
Phải thu Hợp đồng HTKD	142.590.810	545.158.016
Phải thu lãi cho vay	66.088.170	149.468.394
Phải thu dài hạn khác	12.332.503	7.611.164
	<u>221.011.483</u>	<u>702.237.574</u>
TỔNG CỘNG	2.504.815.119	1.858.232.574
Dự phòng phải thu khác khó đòi	(14.129.951)	(48.629.583)
GIÁ TRỊ THUẦN	2.490.685.168	1.809.602.991
Trong đó:		
Phải thu khác các bên thứ ba	1.725.706.997	553.161.696
Phải thu khác ngắn hạn các bên liên quan (TM số 33)	713.019.952	725.620.104
Phải thu khác dài hạn các bên liên quan (TM số 33)	66.088.170	579.450.774

Chi tiết tình hình tăng/(giảm) dự phòng phải thu khác khó đòi như sau:

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	48.629.583	141.973.642
Cộng: Mua công ty con trong năm	6.941.358	-
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	6.619.774	1.735.820
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(48.060.764)	(95.079.879)
Số cuối năm	<u>14.129.951</u>	<u>48.629.583</u>
Trong đó:		
Ngắn hạn	14.129.951	48.629.583

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

- (*) Đây là khoản đặt cọc theo các Hợp đồng đặt cọc HTKD nhằm phát triển dự án cây ăn trái với tổng diện tích ước tính là 4.484 ha với các công ty với chi tiết như sau:
- Hợp đồng đặt cọc HTKD số 2905/2023/DCHTKD/LM-TT ngày 29 tháng 5 năm 2023 với Công ty TNHH Nông nghiệp Thành Trung với giá trị đặt cọc là 820.000.000 ngàn VND, nhằm phát triển dự án cây ăn trái tọa lạc tại Bản Madka và Bản Nongmuang, Huyện Sanamxay và Bản Kengnhay, Huyện Saysettha, Tỉnh Attapeu, Lào. Các bên sẽ tiến hành HTKD vào năm 2024 và dự án dự kiến sẽ hoàn thành đầu tư vào năm 2026. Hợp đồng HTKD không yêu cầu thành lập pháp nhân mới và lợi nhuận sẽ được phân chia dựa vào kết quả kinh doanh của dự án, bắt đầu từ khi dự án phát sinh doanh thu.
 - Hợp đồng đặt cọc HTKD số 2305/2023/DCHTKD/LM-PQ ngày 23 tháng 5 năm 2023 với Công ty TNHH Nông nghiệp Phú Quý Gia Lai với giá trị đặt cọc là 700.000.000 ngàn VND, nhằm phát triển dự án cây ăn trái tọa lạc tại Xã Ia Băng, Huyện Đăk Đoa và Huyện Chư Prông, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Các bên sẽ tiến hành HTKD vào năm 2024 và dự án dự kiến sẽ hoàn thành đầu tư vào năm 2026. Hợp đồng HTKD không yêu cầu thành lập pháp nhân mới và lợi nhuận sẽ được phân chia dựa vào kết quả kinh doanh của dự án, bắt đầu từ khi dự án phát sinh doanh thu.
- (**) Đây là khoản phải thu từ Hợp đồng HTKD số 2010/2020/HTĐTKD/LEME-DVTN ngày 20 tháng 10 năm 2020 với Công ty TNHH Dịch Vụ Nông nghiệp Tây Nguyên về việc hợp tác đầu tư vào dự án trồng cây ăn trái trong bốn (4) năm, kể từ năm 2020. Dự án này tọa lạc tại Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Hợp đồng HTKD không yêu cầu thành lập pháp nhân mới và lợi nhuận sẽ được phân chia dựa vào kết quả kinh doanh của dự án, bắt đầu từ khi dự án phát sinh doanh thu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, dự án vẫn đang trong quá trình xây dựng cơ bản và chưa phát sinh doanh thu.

10. HÀNG TỒN KHO

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	808.178.954	994.930.021
<i>Trong đó:</i>		
- Hoạt động sản xuất, trồng trọt (i)	425.785.486	114.595.379
- Chăn nuôi	381.602.726	876.904.395
- Hợp đồng xây dựng	790.742	3.430.247
Nguyên vật liệu	62.872.594	83.992.908
Thành phẩm	40.497.670	15.894.595
Hàng hóa	16.560.736	53.467.217
Công cụ, dụng cụ	2.950.316	2.094.443
TỔNG CỘNG	931.060.270	1.150.379.184
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.341.575)	(2.341.575)
GIÁ TRỊ THUẦN	928.718.695	1.148.037.609

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. HÀNG TỒN KHO (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng/(giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	2.341.575	3.703.405
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(1.021.896)
Trừ: Xóa sổ dự phòng trong năm	-	(339.934)
Số cuối năm	<u>2.341.575</u>	<u>2.341.575</u>

- (i) Một phần chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (hoạt động sản xuất, trồng trọt) được dùng để làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng (TM số 23).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Ngàn VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	Cây trồng lâu năm và vật nuôi	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá							
Số đầu năm	2.175.318.029	363.333.106	323.940.003	4.910.513	1.723.258.666	34.184.573	4.624.944.890
Mua công ty con	179.781.454	33.626.330	132.863.799	-	1.676.155.756	-	2.022.427.339
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	237.247.781	65.916	43.059.400	-	1.056.017.119	-	1.336.390.216
Mua mới trong năm	501.765	18.971.799	2.450.675	59.900	3.827.098	145.330	25.956.567
Thanh lý công ty con	(115.577.728)	(116.540.229)	(5.091.987)	(562.780)	-	(34.329.903)	(272.102.627)
Xóa sổ và thanh lý tài sản	(224.349.207)	(87.634.135)	(17.489.822)	(303.170)	(36.702.291)	-	(366.478.625)
Chênh lệch tỷ giá	(113.570.239)	(1.084.498)	(15.313.365)	-	(100.267.954)	-	(230.236.056)
Số cuối năm	2.139.351.855	210.738.289	464.418.703	4.104.463	4.322.288.394	-	7.140.901.704
<i>Trong đó:</i>							
Đã khấu hao hết	33.402.111	20.892.416	25.363.668	2.941.847	6.689.440	-	89.289.482
Giá trị khấu hao lũy kế							
Số đầu năm	(409.224.984)	(172.350.951)	(123.327.917)	(4.066.907)	(325.012.208)	(31.494.792)	(1.065.477.759)
Khấu hao trong năm	(121.506.956)	(28.228.328)	(34.384.373)	(285.400)	(385.365.344)	(873.572)	(570.643.973)
Mua công ty con	(27.347.249)	(8.303.851)	(33.083.325)	-	(48.884.658)	-	(117.619.083)
Xóa sổ và thanh lý tài sản	83.037.514	52.392.281	15.415.298	303.170	3.638.803	-	154.787.066
Thanh lý công ty con	37.907.209	79.809.093	3.268.319	493.436	-	32.368.364	153.846.421
Chênh lệch tỷ giá	21.263.943	164.266	11.188.946	-	15.327.276	-	47.944.431
Số cuối năm	(415.870.523)	(76.517.490)	(160.923.052)	(3.555.701)	(740.296.131)	-	(1.397.162.897)
Giá trị còn lại							
Số đầu năm	1.766.093.045	190.982.155	200.612.086	843.606	1.398.246.458	2.689.781	3.559.467.131
Số cuối năm	1.723.481.332	134.220.799	303.495.651	548.762	3.581.992.263	-	5.743.738.807
<i>Trong đó:</i>							
Thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay (TM số 23 và 34)	1.351.192.535	24.431.985	179.424.550	-	1.036.265.009	-	2.591.314.079



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Ngàn VND Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Số đầu năm	273.552.454	17.873.965	291.426.419
Thanh lý công ty con	-	(2.536.900)	(2.536.900)
Thanh lý	-	(354.200)	(354.200)
Số cuối năm	<u>273.552.454</u>	<u>14.982.865</u>	<u>288.535.319</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	14.982.865	14.982.865
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	(13.218.967)	(16.524.099)	(29.743.066)
Hao mòn trong năm	(6.283.662)	(10.818)	(6.294.480)
Thanh lý công ty con	-	1.288.900	1.288.900
Thanh lý	-	354.200	354.200
Số cuối năm	<u>(19.502.629)</u>	<u>(14.891.817)</u>	<u>(34.394.446)</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	<u>260.333.487</u>	<u>1.349.866</u>	<u>261.683.353</u>
Số cuối năm	<u>254.049.825</u>	<u>91.048</u>	<u>254.140.873</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay (TM số 23 và 34)</i>	123.449.872	-	123.449.872

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Ngàn VND		
	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	27.072.022	47.003.809	74.075.831
Thanh lý	(27.072.022)	-	(27.072.022)
Số cuối năm	-	47.003.809	47.003.809
Giá trị khấu hao và hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	(5.175.759)	(8.924.630)	(14.100.389)
Khấu hao và hao mòn trong năm	(184.849)	(1.891.458)	(2.076.307)
Thanh lý	5.360.608	-	5.360.608
Số cuối năm	-	(10.816.088)	(10.816.088)
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	21.896.263	38.079.179	59.975.442
Số cuối năm	-	36.187.721	36.187.721
<i>Trong đó:</i>			
<i>Thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay (TM số 23)</i>	-	36.187.721	36.187.721

Thuyết minh bổ sung:

Các khoản doanh thu cho thuê và chi phí hoạt động liên quan đến bất động sản đầu tư được trình bày như sau:

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	2.629.816	2.118.356
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong năm	2.076.307	2.630.852

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2023. Tuy nhiên, dựa trên giá trị thị trường của các tài sản, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí phát triển vườn cây ăn quả (*)	3.769.537.061	3.469.201.648
Dự án chăn nuôi	983.435.759	1.079.666.555
Nhà xưởng và nhà máy nông trường (*)	40.027.310	12.454.883
Khác	31.942.723	58.978.162
TỔNG CỘNG	4.824.942.853	4.620.301.248

(*) Các khoản này đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (TM số 23).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. CHI PHÍ ĐI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA

Trong năm, Tập đoàn đã vốn hóa các chi phí lãi vay với tổng giá trị là 26.617.707 ngàn VND vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022: 41.776.063 ngàn VND). Các khoản chi phí lãi vay này phát sinh từ các khoản vay ngân hàng để tài trợ vốn cho việc xây dựng và phát triển các vườn cây ăn quả và các dự án khác.

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đầu tư vào các công ty liên kết (TM số 16.1)	-	-
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác (TM số 16.2)	1.049.961.081	1.049.961.081
TỔNG CỘNG	1.049.961.081	1.049.961.081
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(557.941.581)	(608.271.485)
GIÁ TRỊ THUẦN	492.019.500	441.689.596

16.1 Đầu tư vào các công ty liên kết

<i>Tên công ty liên kết</i>	<i>Lĩnh vực kinh doanh</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	
		<i>Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết (%)</i>	<i>Giá trị đầu tư Ngàn VND</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết (%)</i>	<i>Giá trị đầu tư Ngàn VND</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông (*)	Tư vấn và thiết kế	25,00	-	25,00	-
TỔNG CỘNG			-		-

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn có khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông với giá gốc đầu tư là 5.000.000 ngàn VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.2 Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 31 tháng 12 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc đầu tư Ngàn VND	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc đầu tư Ngàn VND
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (HNG) (*)	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp	9,44	1.041.431.040	9,44	1.041.431.040
Công ty Cổ phần Truyền thông Thanh Niên	Truyền thông	2,00	6.200.000	2,00	6.200.000
Công ty Cổ phần Bóng đá chuyên nghiệp Việt nam	Bóng đá	-	1.170.000	-	1.170.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Hàng không Viễn Đông	Thương mại và vận tải	-	1.160.041	-	1.160.041
TỔNG CỘNG			1.049.961.081		1.049.961.081
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn			(557.941.581)		(608.271.485)
GIÁ TRỊ THUẦN			492.019.500		441.689.596

(*) Một phần cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Tập đoàn đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (TM số 23).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Ngàn VND</i>		
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	1.699.707	7.841.439
Chi phí phát triển vườn cây ăn trái	508.904	4.582.698
Chi phí khác	2.171.301	4.850.840
	<u>4.379.912</u>	<u>17.274.977</u>
Dài hạn		
Dự án chăn nuôi (*)	120.078.693	193.635.580
Chi phí khai hoang	116.776.803	112.645.680
Tiền thuê đất	21.684.599	31.559.049
Công cụ, dụng cụ	13.905.816	28.107.249
Chi phí khác	16.063.617	4.161.410
	<u>288.509.528</u>	<u>370.108.968</u>
TỔNG CỘNG	<u>292.889.440</u>	<u>387.383.945</u>

(*) Các khoản này đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (TM số 23).

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Ngàn VND</i>		
Phải trả người bán hàng hóa và dịch vụ	1.101.924.937	525.462.721
<i>Trong đó:</i>		
- Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Phát triển Do Holdings	577.109.903	217.889.882
- Công ty Cổ phần IAPACCO	58.396.349	61.179.910
- Các nhà cung cấp khác	466.418.685	246.392.929
Phải trả nhà thầu xây dựng	20.950.612	5.791.244
Phải trả người bán máy móc và thiết bị	457.174	3.436.935
Phải trả người bán khác	-	428.992
	<u>1.123.332.723</u>	<u>535.119.892</u>
TỔNG CỘNG	<u>1.123.332.723</u>	<u>535.119.892</u>
<i>Trong đó:</i>		
Phải trả các bên thứ ba	1.038.546.399	488.034.594
Phải trả các bên liên quan (TM số 33)	84.786.324	47.085.298

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Ngàn VND</i>		
Người mua trả tiền trước từ các bên thứ ba	321.193.426	366.544.461
<i>Trong đó:</i>		
- Công ty TNHH Vinacapital Phước Điền	162.680.988	162.680.988
- Công ty Cổ phần Giấy Đức Phú	34.188.437	92.686.888
- Các khách hàng khác	124.324.001	111.176.585
Người mua trả tiền trước từ các bên liên quan (TM số 33)	8.228.718	263.059.531
	<u>329.422.144</u>	<u>629.603.992</u>
TỔNG CỘNG	<u>329.422.144</u>	<u>629.603.992</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngàn VND			
	Số đầu năm	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	Số cuối năm
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	32.372.352	50.961.985	(73.065.394)	10.268.943
Thuế thu nhập doanh nghiệp (TM số 32.1)	7.539	-	-	7.539
Thuế khác	3.134.366	-	(6.787)	3.127.579
TỔNG CỘNG	35.514.257	50.961.985	(73.072.181)	13.404.061
Phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp (TM số 32.1)	948.467	30.945.417	(3.831.531)	28.062.353
Thuế giá trị gia tăng	3.051.665	70.972.855	(53.682.452)	20.342.068
Thuế thu nhập cá nhân	4.521.551	16.079.588	(17.371.404)	3.229.735
Thuế khác	268.138	5.849.884	(5.531.113)	586.909
TỔNG CỘNG	8.789.821	123.847.744	(80.416.500)	52.221.065

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay	3.291.239.877	3.821.476.663
Chi phí hoạt động	78.154.862	10.244.760
Chi phí khác	12.719.006	26.176.665
	<u>3.382.113.745</u>	<u>3.857.898.088</u>
Dài hạn		
Chi phí lãi vay	331.211.708	490.236.779
TỔNG CỘNG	3.713.325.453	4.348.134.867

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. PHẢI TRẢ KHÁC

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Phải trả tiền mượn từ các công ty và cá nhân (i)	126.079.114	67.033.009
Khác	<u>73.540.056</u>	<u>39.017.206</u>
	<u>199.619.170</u>	<u>106.050.215</u>
Dài hạn		
Phải trả tiền mượn từ các công ty và cá nhân (i)	<u>381.772.904</u>	<u>308.838.184</u>
	<u>381.772.904</u>	<u>308.838.184</u>
TỔNG CỘNG	<u>581.392.074</u>	<u>414.888.399</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên thứ ba</i>	<i>577.660.832</i>	<i>403.687.075</i>
<i>Phải trả ngắn hạn các bên liên quan (TM số 33)</i>	<i>3.731.242</i>	<i>11.201.324</i>

(i) Khoản này thể hiện các khoản vay không lãi suất và không yêu cầu tài sản đảm bảo từ các cá nhân, các công ty khác và các bên liên quan của Tập đoàn nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động của Tập đoàn.

23. VAY

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Vay ngắn hạn ngân hàng (TM số 23.1)	2.349.187.676	1.002.710.388
Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả (TM số 23.2)	1.748.934.978	2.058.184.544
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (TM số 23.3)	353.755.653	901.090.257
Vay dài hạn từ công ty và cá nhân đến hạn trả (TM số 23.5)	71.690.783	-
Vay ngắn hạn từ công ty (TM số 23.4)	<u>5.000.000</u>	<u>38.500.000</u>
	<u>4.528.569.090</u>	<u>4.000.485.189</u>
Dài hạn		
Vay dài hạn trái phiếu (TM số 23.2)	3.199.130.581	3.681.058.998
Vay dài hạn từ công ty và cá nhân (TM số 23.5)	97.930.000	190.665.939
Vay dài hạn ngân hàng (TM số 23.3)	<u>43.360.227</u>	<u>293.409.297</u>
	<u>3.340.420.808</u>	<u>4.165.134.234</u>
TỔNG CỘNG	<u>7.868.989.898</u>	<u>8.165.619.423</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

Tình hình tăng/(giảm) các khoản vay như sau:

	<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>Vay dài hạn</i>	<i>Ngàn VND Tổng cộng</i>
Số đầu năm	4.000.485.189	4.165.134.234	8.165.619.423
Tiền thu từ đi vay	5.214.161.502	202.196.609	5.416.358.111
Tiền chi trả nợ gốc vay	(5.218.673.592)	(379.171.707)	(5.597.845.299)
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	3.055.712	5.766.305	8.822.017
Vay dài hạn đến hạn trả	570.135.429	(570.135.429)	-
Cần trừ công nợ	(3.000.000)	(56.982.266)	(59.982.266)
Chênh lệch tỷ giá	(25.095.150)	(26.386.938)	(51.482.088)
Giảm do thanh lý công ty con	(12.500.000)	-	(12.500.000)
Số cuối năm	<u>4.528.569.090</u>	<u>3.340.420.808</u>	<u>7.868.989.898</u>

23.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau:

<i>Tên ngân hàng</i>	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	848.000.000	282.000.000
Ngân hàng Bưu điện Liên Việt ("LPBank"), Chi nhánh Gia Lai	750.000.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín ("Sacombank"), Chi nhánh Gia Lai	699.999.734	690.999.004
Sacombank Lào, Chi nhánh Champasak	51.187.942	24.740.782
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV"), Chi nhánh Gia Lai	-	4.970.602
TỔNG CỘNG	<u>2.349.187.676</u>	<u>1.002.710.388</u>

Các khoản vay này được sử dụng chủ yếu để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.1 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số tiền (Ngàn VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp (TM số 10, 11, 12 và 14)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong				
Khoản vay từ ngày 13 tháng 10 năm 2023 đến ngày 20 tháng 12 năm 2023	511.800.000	Từ ngày 13 tháng 2 năm 2024 đến ngày 20 tháng 8 năm 2024	10,65 - 12,20	Tài sản gắn liền với đất nằm trên thửa đất có các Giấy Chứng nhận số BY 440735, BY 440741, BY 440736, BY 440744 thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai; Hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh tại các chuồng trại và kho hàng tại Tỉnh Gia Lai; Quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng bán hàng, phụ lục hợp đồng bán hàng được ký giữa bên đảm bảo và đối tác đã hình thành và hình thành trong tương lai trong quá trình sản xuất kinh doanh (HĐTC 10/2022/HĐBH/TTDT MB); Toàn bộ tài sản gắn liền trên đất với tổng diện tích 150 ha theo Giấy phép SDD số: 104/TNMT tại Bản Hatsan, Huyện Saysetta, Tỉnh Attapeu thuộc sở hữu Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Hoàn Thịnh Attapeu;
Khoản vay từ ngày 14 tháng 7 năm 2023 đến ngày 30 tháng 11 năm 2023	336.200.000	Từ ngày 14 tháng 1 năm 2024 đến ngày 30 tháng 5 năm 2024	9,25 - 10,55	Toàn bộ tài sản gắn liền trên đất với tổng diện tích 149 ha theo Giấy phép SDD số: 889/TNMT tại Bản Hatsan, Huyện Saysetta, Tỉnh Attapeu thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay; Quyền khai thác đất và tài sản gắn liền trên đất tại Bản Hatsan, Huyện Saysettha, Tỉnh Attapeu, Lào trong tổng diện tích 128 ha của Khăn Xay; Quyền khai thác đất và tài sản gắn liền trên đất tại Tỉnh Attapeu, Lào trong tổng diện tích 146,35 ha của Khăn Xay; Bảo lãnh vô điều kiện không hủy ngang đảm bảo cho các nghĩa vụ nợ của Chủ tịch; 55.500.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Ông Đoàn Nguyên Đức; 9.000.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Bà Đoàn Hoàng Anh.
TỔNG CỘNG	848.000.000			



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.1 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số tiền (Ngàn VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp (TM số 11, 12 và 14)
LPBank, Chi nhánh Gia Lai				
Khoản vay ngày 15 tháng 12 năm 2023	600.000.000	Ngày 11 tháng 6 năm 2024	10,15	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trên tổng diện tích 957 ha (7 bìa đồ) thuộc sở hữu của Công ty Chăn nuôi Gia Lai.
Khoản vay ngày 20 tháng 12 năm 2023	150.000.000	Ngày 16 tháng 6 năm 2024	10,15	
TỔNG CỘNG	<u>750.000.000</u>			



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.1 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau:

<i>Tên ngân hàng</i>	<i>Số tiền (Ngàn VND)</i>	<i>Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Tài sản thế chấp (TM số 11, 12 và 14)</i>
Sacombank, Chi nhánh Gia Lai				
Khoản vay từ ngày 15 tháng 9 năm 2023 đến ngày 25 tháng 12 năm 2023	499.999.734	Từ ngày 15 tháng 3 năm 2024 đến ngày 25 tháng 6 năm 2024	8,50 – 13,50	90.000.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Ông Đoàn Nguyên Đức; 30.000.000 cổ phần Chăn Nuôi Gia Lai thuộc sở hữu của Công ty; Toàn bộ tài sản gắn liền trên đất thuộc quyền sử dụng đất ("QSDĐ") số BY440348, BY440349, thuộc sở hữu của Chăn nuôi Gia Lai.
Khoản vay từ ngày 14 tháng 6 năm 2023 đến ngày 29 tháng 12 năm 2023	200.000.000	Từ ngày 14 tháng 3 năm 2024 đến ngày 29 tháng 9 năm 2024	12,50 – 13,50	23.751.983 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Ông Đoàn Nguyên Đức; Quyền sử dụng đất ("QSDĐ") và khai thác 10,29 ha (2 bìa) tại Xã IA Tiêm, Huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang ("Lơ Pang"); QSDĐ và khai thác 2,58 ha (1 bìa) tại Xã IA Băng, Huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Lơ Pang; QSDĐ và khai thác 2,1 ha (4 bìa) tại Xã IA Grai, Huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Lơ Pang; QSDĐ và khai thác 16,5 ha (6 bìa) tại Làng Ngol, Xã Ia Băng, Huyện ĐakĐoa, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Lơ Pang; QSDĐ và khai thác 14,4 ha (3 bìa) tại Làng Klah, Xã Yang Bắc, Huyện ĐakPơ, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Lơ Pang; QSDĐ và khai thác 1,26 ha (2 bìa) ở Thôn Breng, Xã Ia Pếch, Huyện ĐakĐoa, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Lơ Pang; QSDĐ và khai thác 4,59 ha (3 bìa) ở Thôn Kênh Siêu, Xã Chư Prông, Huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Ông Dương Trần Hùng.
TỔNG CỘNG	<u>699.999.734</u>			
Sacombank Lào, Chi nhánh Champasak				
Khoản vay từ ngày 22 tháng 9 năm 2023 đến 20 tháng 12 năm 2023	<u>51.187.942</u>	Ngày 30 tháng 5 năm 2024 đến ngày 20 tháng 6 năm 2024	LAK: 10,00 USD: 8,00	QSDĐ diện tích: 6,83 ha, Thửa số 01, Tờ bản đồ số: A 738-638 địa chỉ tại: Bản Hạt san, Huyện Saysetha, Tỉnh Attapeu, Lào, đất xây dựng xây trụ sở văn phòng và kho hàng hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.2 Trái phiếu thường

Chi tiết trái phiếu thường như sau:

<i>Tổ chức thu xếp phát hành</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Ngàn VND</i>	
		<i>Số đầu năm</i>	
BIDV và Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BSC")	4.671.000.000	5.271.000.000	
Công ty TNHH Chứng khoán ACB ("ACBS")	300.000.000	300.000.000	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong ("TPBank")	-	200.000.000	
Chi phí phát hành trái phiếu	(22.934.441)	(31.756.458)	
TỔNG CỘNG	4.948.065.559	5.739.243.542	
<i>Trong đó:</i>			
<i>Trái phiếu dài hạn</i>	<i>3.199.130.581</i>	<i>3.681.058.998</i>	
<i>Trái phiếu dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm</i>	<i>1.748.934.978</i>	<i>2.058.184.544</i>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.2 Trái phiếu thường (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền (Ngàn VND)	Lãi suất (%/năm)	Ngày đáo hạn cuối cùng	Mục đích	Tài sản thế chấp (TM số 10, 11, 12, 13, 14, 16 và 17)
BIDV và BSC	BIDV (*)	4.671.000.000	Trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn mười hai (12) tháng bằng VND được công bố tại Chi nhánh của bốn (4) Ngân hàng thương mại tại Tỉnh Gia Lai, bao gồm: Agribank, BIDV, Vietcombank và Vietinbank cộng với biên độ 3,00 (2023: 7,95 – 10,40)	Ngày 30 tháng 12 năm 2026	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	Diện tích 4.852,74 ha cao su và Quyền thuê phát sinh theo Hợp đồng thuê đất, toàn bộ tài sản là động sản, bất động sản gắn liền với đất tại Tỉnh Attapeu và Tỉnh Sê Kông (Lào) do Công ty TNHH CN&NN Cao su Hoàng Anh – Quang Minh làm chủ sở hữu; Diện tích 9.996,9 ha cao su và Quyền thuê phát sinh theo Hợp đồng thuê đất, toàn bộ tài sản là động sản, bất động sản gắn liền với đất do Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu làm chủ sở hữu; Quyền sử dụng và khai thác rừng trồng 4.733 ha cao su và 3.155 ha cọ dầu tại Tỉnh Attapeu (Lào) của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu; 44.926.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Ông Đoàn Nguyên Đức; Quyền sở hữu, khai thác rừng trồng 1.960,91 ha cao su tại Tỉnh Ratanakiri (Campuchia) của Công ty TNHH MTV Heng Brothers; Quyền sở hữu, khai thác rừng trồng 3.281,70 ha cao su tại Tỉnh Ratanakiri (Campuchia) của Công ty TNHH MTV CRD; Công trình Bệnh viện Đại học Y được HAGL thuộc sở hữu của Bệnh viện HAGL; Trụ sở văn phòng làm việc Hoàng Anh Gia Lai thuộc sở hữu của Công ty; Khu liên hợp Học viện bóng đá Hoàng Anh Gia Lai thuộc sở hữu của Công ty; 16,5 ha chuồng trên đất thuộc Học viện bóng đá Hoàng Anh Gia Lai thuộc sở hữu của Công ty; 2 tầng khu thương mại thuộc Tổ hợp khu chung cư – Thương mại cao cấp Bàu Thạc Gián, Đà Nẵng thuộc sở hữu của Công ty; 13.310.000 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty; 7 xe ô tô thuộc sở hữu của Công ty; Trụ sở làm việc và nhà xưởng sản xuất, chế biến gỗ và hàng mộc dân dụng (tại Phường Chi Lăng, Gia Lai) thuộc Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai; Nhà máy gỗ nội thất (tại Chư Prong, Gia Lai) thuộc Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai; Máy móc thiết bị thuộc Bệnh viện Đại học Y được HAGL; 335 ha chuồng tại Attapeu, Lào thuộc sở hữu của Khăn Xay; 2.789,7216 ha tại Stung Treng, Campuchia thuộc Công ty TNHH Sản xuất Bột Mì; Máy móc thiết bị thuộc Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai; 141,5988 ha tại Stung Treng, Campuchia thuộc Công ty TNHH Sản xuất Bột Mì; QSDĐ số BY 440726 với 6.993,2 m ² tại Đường Phù Đồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai; 119 căn hộ thuộc Cao ốc văn phòng và nhà ở cao cấp Hoàng Anh Gia Lai tại Hoàng Văn Thu, Phường Diên Hồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai; Công trình nhà máy đá Granit Hoàng Anh Gia Lai theo GCN số BS 463258. 6.581 con heo giống của Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang; 9.093 con heo giống của Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai.

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, diện tích trồng cao su và cọ dầu thực tế đang thấp hơn phần diện tích đề cập trong phần Mục đích giải ngân của Hợp đồng Tín dụng. Diện tích cam kết lần lượt là 4.852,74 ha cao su và 7.102 ha cọ dầu. Cũng vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn chưa tiến hành thanh toán gốc và lãi trái phiếu đã đến hạn với tổng giá trị lần lượt là 100.000.000 ngàn VND và 3.025.461.825 ngàn VND. Vào ngày lập báo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn đã thanh toán khoản gốc trái phiếu với giá trị 100.000.000 ngàn VND, cũng như đã có kế hoạch thanh toán khoản lãi trái phiếu đã đến hạn trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.2 Trái phiếu thường (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền (Ngàn VND)	Lãi suất (%/năm)	Ngày đáo hạn cuối cùng	Mục đích	Tài sản thế chấp
Công ty TNHH Chứng khoán ACB ("ACBS")	Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	300.000.000	10,00	Ngày 30 tháng 9 năm 2025	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	47.000.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Ông Đoàn Nguyên Đức.
Chi phí phát hành trái phiếu		(22.934.441)				
TỔNG CỘNG		<u>4.948.065.559</u>				
<i>Trong đó:</i>						
Trái phiếu dài hạn		3.199.130.581				
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm		1.748.934.978				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.3 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Tên ngân hàng	Số cuối năm	Ngàn VND
		Số đầu năm
Ngân hàng Liên doanh Lào Việt ("Ngân hàng Lào - Việt") - Chi nhánh Attapeu	279.030.094	297.362.966
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín ("Sacombank")	70.085.786	111.346.340
Ngân Hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong ("TPBank")	48.000.000	198.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Hùng Vương ("Eximbank")	-	587.790.248
TỔNG CỘNG	397.115.880	1.194.499.554
<i>Trong đó:</i>		
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả trong vòng 1 năm	353.755.653	901.090.257
Vay dài hạn	43.360.227	293.409.297

Các khoản vay này được sử dụng chủ yếu để đáp ứng nhu cầu vốn tài trợ cho các dự án vườn cây ăn quả của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.3 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số tiền (Ngàn VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp (TM số 11, 12 và 14)
<i>Ngân hàng Lào - Việt, Chi nhánh Attapeu</i>				
Khoản vay từ ngày 22 tháng 6 năm 2022 đến ngày 15 tháng 9 năm 2022 (*)	<u>279.030.094</u>	Từ ngày 5 tháng 5 năm 2023 đến ngày 15 tháng 9 năm 2023	8,50	2 lô đất tại Bản Honglay, Huyện Lamam, Tỉnh Sekong, Lào thuộc sở hữu của Ông Channousit; Trụ sở làm việc của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng tại Bản NongYoi, Huyện Paksong, Tỉnh Champasak, Lào; Quyền sở hữu khai thác diện tích 939 ha vườn cây ăn quả thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng.

Trong đó:

<i>Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm</i>	279.030.094
---	-------------

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn chưa thanh toán khoản gốc và lãi vay đến hạn với giá trị lần lượt là 279.030.094 ngàn VND và 56.488.714 ngàn VND theo lịch thanh toán đã cam kết với ngân hàng. Vào ngày lập báo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn đã có kế hoạch thanh toán khoản lãi và gốc vay đã đến hạn nêu trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.3 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số tiền (Ngàn VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp (TM số 11, 12)
Sacombank Lào, Chi nhánh Champasak	65.482.661	Từ ngày 25 tháng 6 năm 2024 đến ngày 7 tháng 6 năm 2026	LAK: 10,50 USD: 9,05	Quyền sử dụng đất số 01 A-660-668 (bia đồ đất 118,2 ha và bia đồ đất 3,5 ha) tại Huyện Paksong, Tỉnh Champaksak, Lào; Quyền sử dụng đất số 02 A-658-670 (bia đồ đất 6,7 ha và bia đồ đất 50,3 ha) tại Huyện Paksong, Tỉnh Champaksak, Lào; Quyền sử dụng đất số 03 A-658-670 (bia đồ đất 60,0 ha) tại Huyện Paksong, Tỉnh Champaksak, Lào; Quyền sử dụng đất số 04 A-658-670 (bia đồ đất 3,9 ha) tại Huyện Paksong, Tỉnh Champaksak, Lào; Quyền sử dụng đất số 05 A-658-670 (bia đồ đất 2,4 ha) tại Huyện Paksong, Tỉnh Champaksak, Lào; Quyền sử dụng đất số 05 A-658-670 (bia đồ đất 6,7 ha) tại Huyện Paksong, Tỉnh Champaksak, Lào; Quyền sử dụng đất số 07 A 660-668 (bia đồ đất 3,5 ha) tại Huyện Paksong, Tỉnh Champasak, Lào; Quyền sử dụng đất số 08 A 728-636 (bia đồ đất 6,83 ha) tại Huyện Saysettha, Tỉnh Attapeu, Lào; Quyền sử dụng đất số 09 A 730-634 (bia đồ đất 48,52 ha) tại Huyện Saysettha, Tỉnh Attapeu, Lào; Tất cả các quyền sử dụng đất nêu trên đều thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thăng.
Sacombank, Chi nhánh Gia Lai	4.603.125	Ngày 29 tháng 3 năm 2025	12,50	Phương tiện vận tải, máy móc hình thành từ vốn vay.
TỔNG CỘNG	70.085.786			
<i>Trong đó:</i>				
<i>Vay dài hạn</i>	43.360.227			
<i>Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm</i>	26.725.559			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.3 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số tiền (Ngàn VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp (TM số 11, 12 và 14)
<i>TPBank - Chi nhánh Hà Nội</i>				
Khoản vay	<u>48.000.000</u>	Ngày 21 tháng 10 năm 2024	Lãi suất điều chỉnh ba (3) tháng một lần và bằng lãi suất tiền tiền gửi tiết kiệm mười hai (12) tháng của TPBank cộng với biên độ 4,50 (2023: 9,10 - 11,85)	Tài sản gắn liền với đất nằm trên thửa đất có các Giấy Chứng nhận số BY 440736, BY 440744, BY 440735 thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai; Phần vốn góp cùng các quyền và lợi ích phát sinh từ phần vốn góp tại Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng với giá trị góp vốn: 12.000.000 USD; QSDĐ và tài sản gắn liền trên đất với diện tích 149 ha thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay; QSDĐ và tài sản gắn liền trên đất với diện tích 150 ha thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Hoàn Thịnh Attapeu.

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn
trả trong vòng 1 năm 48.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.4 Vay ngắn hạn từ công ty

Đây là các khoản vay ngắn hạn từ các công ty nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động của Tập đoàn với chi tiết như sau:

<i>Tên đối tượng</i>	<i>Số tiền (Ngàn VND)</i>	<i>Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Tài sản thế chấp</i>
Công ty TNHH Nông nghiệp Phú Quý Gia Lai	<u>5.000.000</u>	Ngày 16 tháng 10 năm 2026	5,00	Tín chấp

23.5 Vay dài hạn từ công ty và cá nhân

Đây là các khoản vay dài hạn từ các công ty và cá nhân nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động của Tập đoàn với chi tiết như sau:

<i>Tên đối tượng</i>	<i>Số tiền (Ngàn VND)</i>	<i>Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Tài sản thế chấp</i>
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ M.I.S.C Bình Dương	88.690.783	Ngày 12 tháng 7 năm 2024 đến ngày 1 tháng 12 năm 2026	5,00	Tín chấp
Công ty TNHH Nông nghiệp Phú Quý Gia Lai	<u>80.930.000</u>	Ngày 16 tháng 10 năm 2026	10,00	Tín chấp
TỔNG CỘNG	<u>169.620.783</u>			

Trong đó:

<i>Vay dài hạn</i>	97.930.000
<i>Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm</i>	71.690.783

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

24.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Ngàn VND					
	Vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lỗi lũy kế	Tổng cộng
Năm trước						
Số đầu năm	9.274.679.470	(686.640)	(602.619.336)	282.410.699	(4.467.100.553)	4.486.683.640
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	1.128.745.396	1.128.745.396
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	(618.447.106)	-	-	(618.447.106)
Chi thù lao HĐQT, BKS và Thư ký	-	-	-	-	(2.652.000)	(2.652.000)
Số cuối năm	<u>9.274.679.470</u>	<u>(686.640)</u>	<u>(1.221.066.442)</u>	<u>282.410.699</u>	<u>(3.341.007.157)</u>	<u>4.994.329.930</u>
Năm nay						
Số đầu năm	9.274.679.470	(686.640)	(1.221.066.442)	282.410.699	(3.341.007.157)	4.994.329.930
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	1.663.970.953	1.663.970.953
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	(304.686.476)	-	-	(304.686.476)
Giao dịch với cổ đông không kiểm soát (Thuyết minh số 4.3, 4.4 và 4.5)	-	-	-	-	7.155.936	7.155.936
Thanh lý công ty con (Thuyết minh số 4.7)	-	-	-	(2.515.396)	2.245.560	(269.836)
Chi thù lao HĐQT, BKS và Thư ký	-	-	-	-	(1.536.000)	(1.536.000)
Số cuối năm	<u>9.274.679.470</u>	<u>(686.640)</u>	<u>(1.525.752.918)</u>	<u>279.895.303</u>	<u>(1.669.170.708)</u>	<u>6.358.964.507</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.2 Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	927.467.947	927.467.947
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	927.467.947 927.467.947	927.467.947 927.467.947
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	927.399.283 927.399.283	927.399.283 927.399.283
Số lượng cổ phiếu quỹ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	68.664 68.664	68.664 68.664

25. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Số đầu năm	200.413.411	186.549.700
Mua công ty con	30.503.545	(4.659.733)
Lợi nhuận/(lỗ) trong năm phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	117.714.832	(4.070.556)
Nhận góp vốn từ cổ đông không kiểm soát	-	22.594.000
Giao dịch vốn trong nội bộ Tập đoàn với cổ đông không kiểm soát của các công ty con	(7.138.686)	-
Thanh lý công ty con	(22.987.504)	-
Số cuối năm	<u>318.505.598</u>	<u>200.413.411</u>

26. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Tập đoàn sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ (Ngàn VND)	1.663.970.953	1.128.745.396
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm	927.399.283	927.399.283
Lãi trên cổ phiếu (VND)		
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.794	1.217
- Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.794	1.217

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. DOANH THU

27.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu gộp	6.492.569.736	5.197.982.826
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán trái cây	3.021.145.744	2.240.989.521
Doanh thu bán heo	1.963.826.778	1.697.175.093
Doanh thu bán hàng hóa	1.102.003.171	924.027.581
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ	361.071.533	295.248.124
Doanh thu khác	44.522.510	40.542.507
Khoản giảm trừ	(50.172.537)	(87.200.939)
Giảm giá hàng bán	(50.172.537)	(87.200.939)
Doanh thu thuần	6.442.397.199	5.110.781.887
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán trái cây	2.975.151.761	2.155.744.031
Doanh thu bán heo	1.963.826.778	1.697.175.093
Doanh thu bán hàng hóa	1.102.003.171	924.027.581
Doanh thu cung cấp dịch vụ	356.892.979	293.292.675
Doanh thu khác	44.522.510	40.542.507
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu thuần với các bên thứ ba	5.480.649.395	3.839.128.539
Doanh thu thuần với các bên liên quan (TM số 33)	961.747.804	1.271.653.348

27.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền cho vay	349.254.619	402.606.462
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư (TM số 4.6 và 4.7)	252.241.851	60.049.183
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	709.420	22.078.573
Lãi tiền gửi ngân hàng	546.004	1.310.101
Thu nhập cổ tức	-	59.973
Khác	589	39.421
TỔNG CỘNG	602.752.483	486.143.713
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu với các bên liên quan (TM số 33)	333.820.373	375.397.894
Doanh thu với các bên thứ ba	268.932.110	110.745.819

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán trái cây	1.847.731.563	1.512.315.477
Giá vốn heo	1.899.227.901	1.270.281.990
Giá vốn hàng hóa	1.094.450.783	850.801.577
Giá vốn dịch vụ	259.607.711	265.621.028
Giá vốn khác	47.923.761	38.360.797
TỔNG CỘNG	5.148.941.719	3.937.380.869

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí lãi vay	1.154.134.054	793.176.972
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái	84.674.928	245.332.965
Chi phí lãi vay được miễn giảm (*) (Hoàn nhập dự phòng) dự phòng suy giảm giá trị khoản đầu tư tài chính dài hạn	(1.424.733.471)	-
	(50.329.905)	605.941.444
Khác	20.821.541	4.695.865
TỔNG CỘNG	(215.432.853)	1.649.147.246

(*) Vào ngày 12 tháng 12 năm 2023, Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai - một công ty con trong Tập đoàn, đã thực hiện thanh toán số tiền 750.000.000 ngàn VND theo các cam kết với Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam ("Eximbank") nhằm mục đích tắt toán toàn bộ gốc vay còn lại và 1 phần lãi vay trong hạn để tắt toán khoản vay theo các Hợp đồng tín dụng số 1600LAV201401317 ngày 23 tháng 9 năm 2014 và Hợp đồng Tín dụng số 1600LAV201401140 ngày 15 tháng 8 năm 2014. Theo đó, Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai đã được miễn giảm một phần chi phí lãi vay với tổng giá trị là 1.424.733.471 ngàn VND (bao gồm một phần lãi trong hạn, toàn bộ lãi quá hạn và tiền phạt chậm trả lãi) theo Công văn số 2062/2023/EIBA/CV-TGD ngày 20 tháng 10 năm 2023 và Công văn số 2230/2023/EIBA/CV-TGD ngày 30 tháng 11 năm 2023.

30. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí bán hàng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	207.867.690	198.224.977
Chi phí lương nhân viên	7.308.508	11.651.748
Chi phí khấu hao và hao mòn	5.291.908	6.192.236
Chi phí khác	34.589.970	35.869.848
	255.058.076	251.938.809
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí lương nhân viên	89.491.815	86.586.923
Chi phí hoạt động	66.793.707	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.644.136	34.053.198
Chi phí khấu hao	8.356.957	9.385.574
Hoàn nhập dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(67.573.467)	(1.512.789.999)
Chi phí khác	32.387.475	32.869.790
	155.100.623	(1.349.894.514)
TỔNG CỘNG	410.158.699	(1.097.955.705)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập khác		
Lãi từ giao dịch mua giá rẻ (TM số 4.1)	270.272.853	-
Thu nhập khác	<u>10.854.922</u>	<u>35.975.907</u>
	<u>281.127.775</u>	<u>35.975.907</u>
Chi phí khác		
Lỗ từ thanh lý và xóa sổ tài sản (*)	140.243.052	8.607.960
Khấu hao tài sản ngưng sử dụng	15.775.348	20.706.325
Chi phí chuyển đổi vườn cây	7.445.455	16.604.992
Các khoản phạt	1.341.039	13.057.786
Các khoản khác	<u>13.858.993</u>	<u>57.134.206</u>
	<u>178.663.887</u>	<u>116.111.269</u>
THU NHẬP (LỖ) KHÁC	<u>102.463.888</u>	<u>(80.135.362)</u>

(*) Đây là khoản lỗ thuần phát sinh từ việc thanh lý và xóa sổ các tài sản cố định, bao gồm nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị, vườn cây và phương tiện vận chuyển của Tập đoàn phát sinh trong năm.

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty và các công ty con tại Việt Nam có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế (2022: 20%).

Các công ty con của Công ty tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế cho các hoạt động kinh doanh chính và 2% trên thu nhập chịu thuế cho hoạt động chuyển nhượng dự án. Các công ty con này cũng được hưởng ưu đãi, miễn, giảm thuế TNDN theo các GCNĐKKD, Giấy phép Đầu tư tương ứng và các luật thuế hiện hành.

Các công ty con của Công ty tại nước Vương quốc Campuchia có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế cho các hoạt động kinh doanh chính. Các công ty con này cũng được hưởng ưu đãi, miễn, giảm thuế TNDN theo các GCNĐKKD, Giấy phép Đầu tư tương ứng và các luật thuế hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.945.417	3.649.540
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	<u>(19.754.499)</u>	<u>(100.106.552)</u>
TỔNG CỘNG	<u>11.190.918</u>	<u>(96.457.012)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

32.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành (phải thu)/phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.792.876.703	1.028.217.828
<i>Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán:</i>		
Phân bổ giá trị chênh lệch từ giao dịch mua tài sản ở khía cạnh hợp nhất	474.518.563	679.472.225
Mức trần chi phí lãi vay (*)	356.637.744	162.704.261
Các khoản lỗ từ các công ty con	64.824.361	285.346.875
Lợi nhuận chưa thực hiện trên hợp nhất	12.134.402	42.644.760
Lỗ từ công ty liên kết	11.069.302	-
Chi phí lãi vay nội bộ ở khía cạnh hợp nhất	-	6.271.689
Cần trừ lỗ năm trước	(177.053.530)	(402.108.690)
Lãi từ giao dịch mua rẻ	(270.272.853)	-
Lợi nhuận từ hoạt động miễn thuế	(1.900.439.086)	(491.362.458)
Các khoản khác	39.677.219	(1.278.005.695)
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện hành	403.972.825	33.180.795
Thuế TNDN ước tính trong năm hiện hành	80.794.565	3.689.636
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	-	1.449.117
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	(49.849.148)	(1.489.213)
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính	30.945.417	3.649.540
Thuế TNDN phải trả đầu năm	940.928	623.979
Giảm do thanh lý công ty con trong năm	(1.508.305)	-
Thuế TNDN đã trả trong năm	(2.323.226)	(3.332.591)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	28.054.814	940.928
<i>Trong đó:</i>		
Thuế TNDN phải trả (TM số 20)	28.062.353	948.467
Thuế TNDN trả trước (TM số 20)	(7.539)	(7.539)

(*) Theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP ngày 5 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết, đây là các khoản chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định không được trừ thuế TNDN ước tính bởi Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

32.2 Thuế TNDN hoãn lại

Tập đoàn đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả với các biến động trong năm như sau:

	Ngàn VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động</i>	
	<i>hợp nhất</i>		<i>kinh doanh hợp nhất</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<i>Tài sản thuế TNDN hoãn lại</i>				
Lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện	-	16.468.661	(16.468.661)	5.502.015
	-	16.468.661	(16.468.661)	5.502.015
<i>Thuế TNDN hoãn lại phải trả</i>				
Chênh lệch giá trị hợp lý của tài sản mua trong hợp nhất kinh doanh	456.610.651	416.006.694	(36.223.160)	(94.604.537)
	456.610.651	416.006.694	(36.223.160)	(94.604.537)
<i>Thu nhập thuế TNDN hoãn lại</i>			(19.754.499)	(100.106.552)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH CN&NN Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Chế biến Thức ăn Gia súc Đông Gia Lai	Công ty liên quan
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty liên quan
Công ty Cổ phần BAPI Hoàng Anh Gia Lai	(đến ngày 19 tháng 6 năm 2023) Công ty con (đến ngày 13 tháng 1 năm 2023) Công ty liên kết (đến ngày 29 tháng 12 năm 2023) Công ty liên quan
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - CN Nhà Máy Nhựa	Công ty liên quan
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Dược Thú y Nasa	Công ty liên quan
Công ty TNHH MTV Bao bì Linh Khang	Công ty liên quan
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai - Chi nhánh Chế Biến Hoa Quả	Công ty liên quan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Ông Đoàn Nguyên Đức Ông Võ Trường Sơn	Chủ tịch HĐQT Tổng Giám đốc (đến ngày 7 tháng 2 năm 2024)
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Thành viên HĐQT Tổng Giám đốc (từ ngày 7 tháng 2 năm 2024)
Bà Võ Thị Huyền Lan	Thành viên HĐQT (đến ngày 28 tháng 4 năm 2023)
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Chí Thắng	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc công ty con (từ ngày 28 tháng 4 năm 2023)
Ông Trần Văn Dai	Thành viên HĐQT
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng giám đốc
Bà Đỗ Trần Thùy Trang	Trưởng BKS
Ông Lê Hồng Phong	Thành viên BKS
Bà Phạm Ngọc Châu	Thành viên BKS
Bà Lê Trương Ý Trâm	Kế toán trưởng
Bà Đoàn Thị Mai Phương	Thư ký Công ty kiêm Người phụ trách quản trị Công ty
Bà Hồ Thị Mỹ Loan	Thư ký Công ty
Ông Trần Quang Dũng	Phó giám đốc công ty con
Ông Nguyễn Ngọc Mai	Giám đốc công ty con
Ông Lê Văn Thạch	Giám đốc công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong năm hiện hành và năm trước bao gồm:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty liên quan (đến ngày 19 tháng 6 năm 2023)	Lãi cho vay	163.254.176	249.520.992
		Cho vay	7.082.350	714.582.000
		Nhận chuyển nhượng cổ phần	-	2.145.600.000
Công ty Cổ phần Chế biến Thức ăn Gia súc Đông Gia Lai	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	1.123.452.743	1.315.913.387
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	917.919.367	1.190.531.197
		Cho vay	-	533.039.308
		Lãi cho vay	50.313.705	4.115.880
		Mua tài sản cố định	-	4.415.600
		Chi hộ	-	468.336
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Lãi cho vay	105.531.294	68.971.137
		Cho vay	36.362.837	427.365.650
		Lãi vay	30.416.667	30.416.667
		Mua hàng hóa và dịch vụ	4.131.150	66.039.317
Ông Nguyễn Ngọc Mai	Giám đốc công ty con	Nhận chuyển nhượng khoản đầu tư	289.200.000	-
		Lãi cho vay	6.609.719	18.758.500
		Cho vay	-	15.000.000
		Mượn tiền	-	14.136.164
Ông Lê Văn Thạch	Giám đốc công ty con	Nhận chuyển nhượng khoản đầu tư	144.600.000	11.920.000
		Lãi cho vay	7.009.859	12.311.300
		Cho vay	-	15.000.000
Công ty Cổ phần BAPI Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên kết (đến ngày 29 tháng 12 năm 2023)	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	42.858.092	-
Ông Trần Quang Dũng	Phó Giám đốc công ty con	Nhận chuyển nhượng khoản đầu tư	48.200.000	-
		Lãi cho vay	1.101.620	2.935.667
		Cho mượn	-	915.000
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Dược Thú y Nasa	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	26.156.666	17.870.492

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong năm hiện hành và năm trước bao gồm: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Bao bì Linh Khang	Công ty liên quan	Mua hàng hóa Cho vay	47.873.980 -	22.028.472 15.000.000
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai - Chi nhánh Chế Biến Hoa Quả	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ Mua hàng hóa và dịch vụ	970.345 -	269.386 49.814
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Lãi cho vay Chi hộ	- -	1.874.921 66.571
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - Chi nhánh Nhà Máy nhựa Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	- -	29.264.773 13.723.570
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Lãi cho vay Cho vay Lãi vay Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ Mua hàng hóa và dịch vụ	- - - - -	6.812.291 2.000.000 718.524 98.919 75.369
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa và dịch vụ	-	68.368

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (TM số 6)				
Công ty Cổ phần Chế biến Thức ăn Gia súc Đông Gia Lai	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	384.749.311	477.906.173
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	236.185.635	-
Công ty TNHH MTV Bao bì Linh Khang	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.039.046	2.265.606
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	521.053	521.053
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - CN Nhà Máy Nhựa	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	291.599	291.599
			623.786.644	480.984.431
Trả trước cho người bán ngắn hạn (TM số 7)				
Công ty Cổ phần Chế biến Thức ăn Gia súc Đông Gia Lai	Công ty liên quan	Ứng trước mua hàng hóa và dịch vụ	1.097.734.678	482.478.677
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Ứng trước mua hàng hóa và dịch vụ	674.225.858	130.642.069
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - CN Nhà Máy Nhựa	Công ty liên quan	Ứng trước mua hàng hóa và dịch vụ	5.959.816	7.368.500
			1.777.920.352	620.489.246

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Lãi suất %/năm	Số cuối năm	Ngàn VND	
				Số đầu năm	
Phải thu về cho vay ngắn hạn (TM số 8)					
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty có cùng thành viên HĐQT	-	984.698.038	501.373.770	
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	9,30 - 10,40	976.155.169	604.350.086	
Công ty TNHH PTNN Hoàng Anh Attapeu	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	-	112.597.142	-	
Công ty TNHH CN&NN Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	-	16.744.250	-	
Công ty Cổ phần Chế biến Thức ăn Gia súc Đông Gia Lai	Công ty liên quan	-	-	5.865.308	
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty liên quan (đến ngày 19 tháng 6 năm 2023)	-	-	2.753.404.202	
Ông Nguyễn Ngọc Mai	Giám đốc công ty con	-	-	56.156	
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	-	14.200	-	
			2.090.208.799	3.865.049.522	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Lãi suất %/năm	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Phải thu về cho vay dài hạn (TM số 8)				
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	9,30 - 10,40	274.178.939	260.400.000
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty có cùng thành viên HĐQT	-	-	883.510.127
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty liên quan (đến ngày 19 tháng 6 năm 2023)	-	-	149.144.000
Ông Lê Văn Thạch	Giám đốc công ty con	-	-	141.900.000
Ông Nguyễn Ngọc Mai	Giám đốc công ty con	-	-	133.800.000
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	-	-	109.304.691
Ông Trần Quang Dũng	Phó giám đốc công ty con	-	-	22.300.000
Công ty TNHH CN&NN Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	-	-	16.254.632
			274.178.939	1.716.613.450

Các khoản cho các bên liên quan vay ngắn hạn và dài hạn đã được phê duyệt tại kỳ họp Đại Hội đồng Cổ đông ngày 28 tháng 4 năm 2023, phù hợp với các điều khoản và quy định liên quan đến việc cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những người có liên quan theo Nghị định 71/2017/ND-CP do Chính phủ ban hành ngày 6 tháng 6 năm 2017 quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

				Ngàn VND	
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số cuối năm	Số đầu năm	
Phải thu ngắn hạn khác (TM số 9)					
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	HĐĐT Cho mượn Lãi cho vay Khác	350.000.000 200.296.688 148.002.284 1.322.000	-	1.300.000 68.960.638 22.000
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Lãi cho vay	10.653.887		649.991.651
Công ty TNHH CN&NN Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Lãi cho vay	1.636.032		-
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Cho mượn	679.661		-
Ông Lê Văn Thạch	Giám đốc công ty con	Tạm ứng	300.000		-
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - CN Nhà Máy Nhựa	Công ty liên quan	Khác	129.400		-
Công ty Cổ phần Chế biến Thức ăn Gia súc Đông Gia Lai	Công ty liên quan	Lãi cho vay Cho mượn	- -		4.115.880 800.535
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Khác	-		429.400
			713.019.952		725.620.104

Phải thu dài hạn khác (TM số 9)

Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Lãi cho vay	66.088.170		38.862.320
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Lãi cho vay	-		10.342.357
Công ty TNHH CN&NN Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Lãi cho vay	-		1.588.193
Ông Lê Văn Thạch	Giám đốc công ty con	Lãi cho vay	-		15.698.411

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số cuối năm	Ngàn VND	
				Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu dài hạn khác (TM số 9) (tiếp theo)					
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty liên quan (đến ngày 19 tháng 6 năm 2023)	HĐHTKD Lãi cho vay	-	440.000.000	27.303.606
Ông Nguyễn Ngọc Mai	Giám đốc công ty con	Lãi cho vay	-	39.398.260	
Ông Trần Quang Dũng	Phó giám đốc công ty con	Lãi cho vay	-	6.257.627	
			66.088.170	579.450.774	
Phải trả người bán ngắn hạn (TM số 18)					
Công ty TNHH MTV Bao bì Linh Khang	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	35.456.555	6.856.363	
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Dược Thú y Nasa	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	23.441.808	8.912.300	
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - CN Nhà Máy Nhựa	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	18.999.661	20.123.754	
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	6.827.227	7.509.227	
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	61.073	3.683.654	
			84.786.324	47.085.298	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước ngắn hạn (TM số 19)				
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - CN Nhà Máy Nhựa	Công ty liên quan	Ứng tiền mua hàng hóa	8.228.718	8.228.718
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Ứng tiền mua hàng hóa	-	216.352.500
Công ty Cổ phần Chế biến Thức ăn Gia súc Đông Gia Lai	Công ty liên quan	Ứng tiền mua hàng hóa	-	38.477.863
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Ứng tiền mua hàng hóa	-	450
			8.228.718	263.059.531
Phải trả ngắn hạn khác (TM số 22)				
Ông Lê Văn Thạch	Giám đốc công ty con	Mượn tiền	3.418.822	-
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông	Công ty liên quan	Mượn tiền	272.700	272.700
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Khác	39.720	39.720
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Mượn tiền	-	10.415.275
Ông Trần Quang Dũng	Phó giám đốc công ty con	Khác	-	468.697
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Khác	-	4.932
			3.731.242	11.201.324

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đang được hưởng tại Công ty trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Thu nhập (*)	
		Năm nay	Năm trước
		Ngàn VND	
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	2.418.600	2.574.084
Ông Võ Trường Sơn	Tổng Giám đốc	1.919.007	2.129.349
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	1.376.438	1.547.330
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc	1.086.593	1.271.810
Bà Đỗ Trần Thùy Trang	Trưởng BKS	656.613	766.299
Ông Trần Văn Dai	Thành viên HĐQT	162.000	108.000
Ông Phạm Ngọc Châu	Thành viên BKS	108.000	277.780
Ông Lê Hồng Phong	Thành viên BKS	108.000	163.800
Ông Nguyễn Chí Thắng	Thành viên HĐQT	94.500	-
Bà Võ Thị Huyền Lan	Thành viên HĐQT	67.500	256.500
Các cá nhân khác		673.276	1.535.698
TỔNG CỘNG		8.670.527	10.630.650

Ngoài ra, các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc còn được hưởng tại các công ty con trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Thu nhập (*)	
		Năm nay	Năm trước
		Ngàn VND	
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc	337.500	175.500
Ông Võ Trường Sơn	Tổng Giám đốc	90.067	93.600
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	60.667	58.500
TỔNG CỘNG		488.234	327.600

(*) Bao gồm tiền lương và/hoặc các khoản thù lao khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Tập đoàn thuê các lô đất khác nhau tại Việt Nam, Lào và Campuchia để xây dựng nhà xưởng, cầu lạc bộ bóng đá, khách sạn, văn phòng, nuôi gia súc và trồng các loại cây ăn trái. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, tiền thuê cam kết theo hợp đồng thuê các lô đất này được trình bày như sau:

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dưới 1 năm	8.341.451	4.190.459
Từ 1 đến 5 năm	26.498.227	28.248.534
Trên 5 năm	107.484.649	97.558.182
TỔNG CỘNG	142.324.327	129.997.175

Các cam kết bảo lãnh

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn đang dùng các tài sản sau để đảm bảo cho các khoản vay của HNG và các công ty con của HNG. Chi tiết như sau:

- 64.375.000 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty;
- Quyền sử dụng và khai thác 453,65 ha (229,25 ha bờ booth, 224,4 ha mít thái) đất thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng;
- Quyền khai thác và tài sản gắn liền với đất (bao gồm toàn bộ cây trồng, công trình gắn liền với đất, tài sản khác) và lợi ích từ việc khai thác đất, tài sản gắn liền với đất đã và đang hình thành trên tổng diện tích 71,4 ha tại Bản Houy Kong, Huyện Paksong, Tỉnh Champasak, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng;
- Quyền khai thác, tài sản gắn liền với đất (bao gồm toàn bộ cây trồng, công trình gắn liền với đất, tài sản khác) và lợi ích từ việc khai thác đất, tài sản gắn liền với đất đã và đang hình thành trên tổng diện tích 148 ha tại Bản Hatsan, Huyện Saysettha, Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay; và
- Quyền khai thác, tài sản gắn liền với đất (bao gồm toàn bộ cây trồng, công trình gắn liền với đất, tài sản khác) và lợi ích từ việc khai thác đất, tài sản gắn liền với đất đã và đang hình thành trên tổng diện tích 147,7 ha tại Bản Hatsan, Huyện Saysettha, Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay.

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 13/23/NQHĐQT-HAGL ngày 10 tháng 8 năm 2023, nhằm mục đích đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ tín dụng của Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai ("Hưng Thắng Lợi"), công ty con trong Tập đoàn, tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Gia Lai với hạn mức tín dụng 500.000.000 ngàn VND trong thời hạn hiệu lực là 12 tháng cho mục đích bổ sung vốn lưu động, Công ty đã cầm cố 30.000.000 cổ phần trong Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai, một công ty con khác của Công ty và cam kết bảo lãnh toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của Hưng Thắng Lợi phát sinh từ các Hợp đồng tín dụng trong hạn mức nêu trên.

Ngoài ra, theo Hợp đồng tín dụng số 01/2015/7694660/HĐTD ký ngày 24 tháng 9 năm 2015 và Hợp đồng tín dụng số 01/2018/7694660/HĐTD ký ngày 2 tháng 10 năm 2018 giữa Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Bá Thước ("Bá Thước") và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hoá ("BIDV Thanh Hóa"), Tập đoàn đã cam kết bảo lãnh cho Bá Thước vay vốn tại BIDV Thanh Hóa theo Thư bảo lãnh vay vốn số 0109/CV-BLHAGL ký ngày 1 tháng 9 năm 2015 với tổng dư nợ gốc là 160.000.000 ngàn VND cùng toàn bộ lãi, phí và phạt phát sinh (nếu có).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Các loại ngoại tệ:		
- Đồng KIP Lào (LAK)	1.641.973.769	4.065.442.997
- Đồng Riels Campuchia (KHR)	112.285.500	-
- Đô la Mỹ (USD)	433.239	322.796
- Đồng Euro (EUR)	176	179
Nợ khó đòi đã xử lý		
- Công ty TNHH MTV Xây Lắp Điện	6.992.216	6.992.216
- Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh GL - Kontum	3.720.000	3.720.000

36. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu, theo đó:

- Doanh thu bộ phận bán hàng ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng, nếu doanh thu bán hàng ra bên ngoài của mỗi bộ phận đó chiếm từ 10% tổng doanh thu trở lên của doanh nghiệp bán hàng ra bên ngoài;
- Tổng giá trị còn lại của tài sản bộ phận theo vị trí của tài sản, nếu tài sản của mỗi bộ phận đó chiếm từ 10% tổng tài sản trở lên của toàn bộ các khu vực địa lý; và
- Tổng chi phí đã phát sinh trong năm để mua tài sản cố định - tài sản bộ phận dự kiến sẽ sử dụng nhiều hơn một năm (TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình và các tài sản dài hạn khác) theo vị trí của tài sản, nếu tài sản của bộ phận đó chiếm từ 10% tổng tài sản trở lên của các bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

36.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn được xác định theo địa điểm của tài sản của Tập đoàn. Doanh thu bán hàng ra bên ngoài trình bày trong bộ phận theo khu vực địa lý được xác định dựa trên địa điểm địa lý của khách hàng của Tập đoàn.

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Tập đoàn được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm và dịch vụ và bao gồm các bộ phận báo cáo theo hoạt động như sau:

- Sản xuất: sản xuất và bán phân bón, ống nhựa và các công cụ dụng cụ khác dùng trong nông nghiệp;
- Thương mại và dịch vụ: quản lý tài sản và mua bán hàng hóa;
- Xây dựng: xây dựng chuồng trại; và
- Nông nghiệp: trồng và thu hoạch cây ăn quả, chăn nuôi heo, bò.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các bộ phận được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho việc ra quyết định, phân bổ nguồn lực và đánh giá thành tích. Thành tích của các bộ phận được đánh giá dựa trên kết quả lãi lỗ mà trên một số khía cạnh, như được trình bày trong bảng dưới đây, được đo lường khác với kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Nguồn tài trợ, bao gồm thu nhập và chi phí từ hoạt động tài chính; và thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý tập trung ở cấp độ Tập đoàn chứ không phân bổ cho các bộ phận.

Báo cáo bộ phận của hoạt động kinh doanh khách sạn và bóng đá đã được trình bày vào hoạt động thương mại và dịch vụ trong năm vì đây không phải là hoạt động chính của Tập đoàn hiện nay.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

36.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	<i>Thương mại và dịch vụ</i>	<i>Nông nghiệp</i>	<i>Loại trừ</i>	<i>Ngân VND</i> <i>Tổng cộng</i>
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022				
<i>Doanh thu</i>				
Từ khách hàng bên ngoài	1.217.320.256	3.893.461.631	-	5.110.781.887
Giữa các bộ phận	1.390.034.688	421.281.581	(1.811.316.269)	-
Tổng cộng	2.607.354.944	4.314.743.212	(1.811.316.269)	5.110.781.887
Kết quả của bộ phận	100.897.651	1.072.503.367	-	1.173.401.018
Chi phí không phân bổ				1.017.820.343
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính				2.191.221.361
Thu nhập tài chính				486.143.713
Chi phí tài chính				(1.649.147.246)
Lợi nhuận trước thuế				1.028.217.828
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(3.649.540)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại				100.106.552
Lợi nhuận sau thuế TNDN trong năm				1.124.674.840
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022				
<i>Tài sản và nợ phải trả</i>				
Tài sản của bộ phận	8.971.635.994	10.754.379.034	-	19.726.015.028
Tiền				72.372.525
Tổng tài sản				19.798.387.553
Nợ phải trả của bộ phận	(7.462.073.561)	(6.725.563.957)	-	(14.187.637.518)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	(416.006.694)	-	(416.006.694)
Tổng nợ phải trả				(14.603.644.212)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

36.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Thương mại và dịch vụ	Nông nghiệp	Loại trừ	Ngàn VND Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023				
<i>Doanh thu</i>				
Từ khách hàng bên ngoài	1.473.393.346	4.969.003.853	-	6.442.397.199
Giữa các bộ phận	2.012.138.634	683.667.246	(2.695.805.880)	-
Tổng cộng	3.485.531.980	5.652.671.099	(2.695.805.880)	6.442.397.199
Kết quả của bộ phận	104.837.656	1.188.617.824	-	1.293.455.480
Chi phí không phân bổ				(307.694.811)
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính				985.760.669
Thu nhập tài chính				602.752.483
Chi phí tài chính				215.432.853
Lỗ từ công ty liên kết				(11.069.302)
Lợi nhuận trước thuế				1.792.876.703
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(30.945.417)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại				19.754.499
Lợi nhuận sau thuế TNDN trong năm				1.781.685.785
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023				
<i>Tài sản và nợ phải trả</i>				
Tài sản của bộ phận	7.382.344.180	13.479.098.562	-	20.861.442.742
Tiền				41.812.548
Tổng tài sản				20.903.255.290
Nợ phải trả của bộ phận	(5.700.001.366)	(8.069.173.168)	-	(13.769.174.534)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	(456.610.651)	-	(456.610.651)
Tổng nợ phải trả				(14.225.785.185)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

36.2 Bộ phận theo khu vực địa lý

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn như sau.

	<i>Việt Nam</i>	<i>Lào</i>	<i>Campuchia</i>	<i>Khác</i>	<i>Ngàn VND Tổng cộng</i>
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022					
<i>Doanh thu</i>					
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	3.584.289.426	677.685.411	-	848.807.050	5.110.781.887
Chi phí hình thành tài sản cố định	287.481.478	314.348.786	-	-	601.830.264
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022					
<i>Các thông tin bộ phận khác</i>					
Tài sản bộ phận	16.673.301.935	3.052.713.093	-	-	19.726.015.028
Tiền					72.372.525
Tổng tài sản					19.798.387.553
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023					
<i>Doanh thu</i>					
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	2.835.907.331	583.856.464	818.378.598	2.204.254.806	6.442.397.199
Chi phí hình thành tài sản cố định	186.139.960	165.429.948	11.770.258	-	363.340.166
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023					
<i>Các thông tin bộ phận khác</i>					
Tài sản bộ phận	15.458.887.011	4.095.769.032	1.306.786.699	-	20.861.442.742
Tiền					41.812.548
Tổng tài sản					20.903.255.290

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

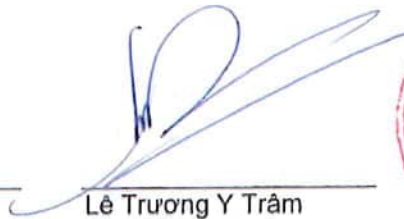
Vào ngày 11 tháng 1 năm 2024, Tập đoàn đã hoàn tất việc chuyển nhượng 13.310.000 cổ phần HNG cho các nhà đầu tư khác. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong HNG giảm từ 9,4% xuống còn 8,24%.

Vào ngày 4 tháng 3 năm 2024, Tập đoàn đã thực hiện ký kết Hợp đồng nhận tài trợ từ Ngân hàng Cổ phần Bưu điện Liên Việt ("LPBank") với tổng hạn mức tài trợ là 5.000 tỷ VND, nhằm mục đích đầu tư cho mảng nông nghiệp xanh. Tiền giải ngân sẽ được sử dụng để đẩy mạnh đầu tư trồng mới, chăm sóc và phát triển 3 sản phẩm chủ lực của Tập đoàn gồm: chuối, sầu riêng và chăn nuôi heo.

Ngoài các sự kiện được nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.



Phạm Thị Thu Hà
Người lập



Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Thắng
Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2024

